

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày 25 tháng 02 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lan**

Nghề nghiệp: Giáo viên

2. Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu T.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Tú Nguyên**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hữu Nghị** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Văn Đ** (tên gọi khác Q), sinh năm 1994; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm

1956 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1961; vợ: Phạm Thúy K, sinh năm 1988; con: chưa có con; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2019 và tạm giam từ ngày 21/6/2019 đến ngày 13/9/2019 được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: **Võ Minh T** (tên gọi khác B), sinh ngày 12/11/2000; Nơi sinh: huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi tạm trú: Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh H, sinh năm 1971 và bà Võ Thị P, sinh năm 1978; Vợ: Chưa có vợ; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2019 cho đến nay (có mặt).

3/ Họ và tên: **Võ Khánh L**, sinh ngày 10/6/2001; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T A, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1966; Vợ: Chưa có vợ; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

4/ Họ và tên: **Trần Hoàng P**, sinh ngày 24/3/2002; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thiện N, sinh năm 1977 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; Vợ: Chưa có vợ; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay (có mặt)

5/ Họ và tên: **Huỳnh Bá N**, sinh ngày 12/12/2001; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp

B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Quốc V, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị M X, sinh năm 1972; Vợ: Chưa có vợ; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

6/ Họ và tên: **Lê Hoàng C**, sinh năm 1996; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G, sinh năm 1972 và bà Võ Thị C, sinh năm 1975; vợ: Đặng Thị T M, sinh năm 1997; con 01 người sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/6/2019 đến ngày 13/9/2019 được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

7/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1988; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Khu phố V 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi tạm trú: Khu phố V 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; vợ: Lâm Hoàng O, sinh năm 1985; con 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất mới sinh 02 tháng; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

8/ Họ và tên: **Trần Văn Q**, sinh năm 1990; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S A, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1965; vợ Nguyễn Thị K T, sinh năm 1989; con có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

9/ Họ và tên: **Đỗ Văn T** (tên gọi khác T), sinh năm 1989; Nơi sinh: huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Ấp M, xã M, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1953 và bà Lâm Thị Ú, sinh năm 1960; vợ Trần Thị D M, sinh năm 1993; con 02 người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Khánh L:*

Ông **Võ Văn T A**, sinh năm 1964 (cha ruột bị cáo L, có mặt)

Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1966 (mẹ ruột bị cáo L, có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Hoàng P:*

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977 (mẹ ruột bị cáo P, có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Huỳnh Bá N:*

Ông **Huỳnh Quốc V**, sinh năm 1967 (cha ruột bị cáo N, có mặt)

Bà **Nguyễn Thị M X**, sinh năm 1972 (mẹ ruột bị cáo N, có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Võ Khánh L và Trần Hoàng P:*

Ông **K**– Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử.
(Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Bá N:

Ông **T**– Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1/ **Lê Văn H**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố V 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

2/ **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

3/ **Lý Văn K**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

4/ **Trần Quốc T**, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

5/ **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

6/ **Hà Văn U**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

7/ **Lê Văn Đ**, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp X, xã T A, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

8/ **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 2006 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Hữu L:

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1964 (cha ruột L, vắng mặt)

Bà **Trịnh Ngọc A**, sinh năm 1976 (mẹ ruột L, vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp X II, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

9/ **Đông Hoàng A**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp X II, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

10/ **Nguyễn Viết L**, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp C 1, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

11/ **Lại Thanh M**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

12/ **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

13/ **Trần Văn C**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp K 11, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

14/ **Võ Thị T P**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

15/ **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

16/ **Võ Thị T**, sinh năm 1969. (Có mặt đến khi đại diện VKS công bố xong bản cáo trạng, sau đó xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã V B, huyện V, tỉnh Kiên Giang

17/ **Trần Thị N**, sinh năm 1942 (Có mặt đến khi đại diện VKS công bố xong bản cáo trạng, sau đó xin vắng mặt)

18/ **Lưu Hiền N**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Đồng cư trú: Ấp C, xã A, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

19/ **Phan Thị O**, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V B, huyện V, tỉnh Kiên Giang

20/ **Sơn Ngọc R**, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

21/ **Sơn N**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Đồng cư trú: Ấp K, xã A, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

22/ **Lê Văn K**, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang

23/ **Võ Hoàng T**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M A, xã M, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

24/ **Nguyễn Tiến A**, sinh năm 1967 (Có mặt đến phần xét hỏi, sau đó xin vắng mặt)

25/ **Phan Thị P**, sinh năm 1967 (Có mặt đến phần xét hỏi, sau đó xin vắng mặt)

26/ **Nguyễn Tiến P**, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

27/ **Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 22/4/2001 (Vắng mặt)

Đồng cư trú: 384A2/14B k 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

28/ **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B 2, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

29/ **Lý Như K**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã H, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

30/ **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi tạm trú: Ấp X II, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty tài chính TNHH MTV

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 09 ĐVB, P.X2, quận H4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **G**. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty tài chính TNHH MTV .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Minh L** – Chuyên viên điều tra, Công ty tài chính TNHH MTV (Vắng mặt)

Nơi cư trú: 93, ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ **Trương Đức T**, sinh ngày 01/7/2003 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp cho Trương Đức T:

Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1973 (cha ruột T2, vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B A, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Trương Đức T:

Ông **K**– Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử.
(Có mặt)

2/ Anh **Đỗ Văn H**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang

** Người làm chứng:*

1/ Chị **Đặng Thị T M**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang

2/ Chị **Phạm Thúy K**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Lung Ba, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 03/01/2019 đến ngày 18/6/2019, Trần Văn Đ, Võ Minh T, Võ Khánh L, Trần Hoàng P, Lê Hoàng C, Huỳnh Bá N đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản của các bị hại trên địa bàn các huyện An Minh, Vĩnh Thuận và U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang. Lợi dụng đêm tối, Đ là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, trực tiếp rủ rê T, P, L, C và

Trương Đức T, sinh ngày 01/7/2003 đi trộm cắp tài sản thì T, P, L, C và T2 đồng ý. Sau khi trộm cắp tài sản xong, Đ điều khiển xe mô tô chở T, P đi về nhà của C để tiêu thụ. Đ trực tiếp bán tài sản lấy trộm mà có và chia tiền cho L, P.

Trước khi đi trộm cắp tài sản, Đ là người trực tiếp cung cấp địa điểm đi trộm, điều khiển xe mô tô của mình chở T đi trộm cắp tài sản, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mang theo hung khí là dao tự chế để chống trả, tẩu thoát.

T là người trực tiếp khởi xướng, rủ rê đi trộm cắp tài sản cùng với L, T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và người trực tiếp điều khiển xe mô tô của Đ chở Đ đi về nhà sau khi trộm cắp được tài sản. T đi cùng với Đ và L đi bán tài sản do trộm cắp mà có và nhận tiền chia từ Đ và L sau khi bán tài sản lấy trộm. Đồng thời, T cũng là người trực tiếp đi bán tài sản do lấy trộm mà có.

L là người rủ rê P, T2 và C đi trộm cắp tài sản, là người trực tiếp cung cấp địa điểm đi trộm, điều khiển xe mô tô của mình chở P và T2 đi trộm cắp tài sản, trực tiếp canh đường để cho P và T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi P và T2 trộm cắp được tài sản, L trực tiếp cất giữ tài sản lấy trộm và điều khiển xe mô tô chở P và T2 tẩu thoát. L là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chở P đi bán tài sản do lấy trộm mà có, trực tiếp bán tài sản lấy trộm và chia tiền cho P và T2 từ việc bán tài sản do lấy trộm mà có.

P là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. P trực tiếp điều khiển xe mô tô của Đ chở Đ và T2 đi trộm cắp tài sản, là người giữ tài sản để cho Đ điều khiển xe mô tô chạy chở đi tẩu thoát và người trực tiếp điều khiển xe mô tô của Đ chở Đ đi về nhà sau khi trộm cắp được tài sản. P trực tiếp tham gia đi bán tài sản do lấy trộm mà có cùng với Đ và nhận tiền chia từ việc bán tài sản do lấy trộm mà có.

Lê Hoàng C trực tiếp điều khiển xe mô tô của mình chở P đi trộm cắp tài sản. Sau khi P lấy trộm được tài sản, C là người điều khiển xe mô tô chở P đi tẩu thoát. C trực tiếp cất giữ tài sản do lấy trộm mà có trực tiếp nhận tiền bán tài sản do lấy trộm mà có. Ngoài ra, C là người tiêu thụ tài sản do Đ và T lấy trộm mà có.

Huỳnh Bá N trực tiếp điều khiển xe mô tô chở T đi trộm cắp tài sản, canh đường, chở tẩu thoát và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với T. Sau khi lấy trộm được tài sản, N điều khiển xe mô tô chở T đi tẩu thoát và chở đi tiêu thụ tài sản. N nhận tiền chia từ việc T bán tài sản do lấy trộm mà có.

Trần Văn Q, Nguyễn Thanh N và Đỗ Văn T tuy rằng không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ các tài sản do T, N, L, P và C trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Trong đó, Q mua tài sản phạm pháp để sử dụng. T giúp sức giới thiệu để cho P bán tài sản lấy trộm cho người khác rồi nhận tiền hoa hồng từ C và P. N mua tài sản phạm pháp với giá rẻ để bán lại cho khách hàng kiếm lời.

Sau khi lấy trộm được tài sản Đ, T, L, P, C, N sử dụng vào mục đích chơi game, tiêu xài cá nhân và làm nguồn sống chính, do bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp, trong đó Đ còn sử dụng vào mục đích mua ma túy để sử dụng. Cụ thể từng vụ trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người người khác phạm tội mà có, do các bị cáo đã thực hiện như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng 0 giờ ngày 03/01/2019, Võ Minh T rủ Nguyễn Văn T đi trộm cắp tài sản, để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, thì T đồng ý. Đến khoảng 0 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô (không xác định được chủ sở hữu và biển kiểm soát) chạy chở T đến trại hòm của anh Lê Văn H, thuộc Khu phố V 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. T dừng xe mô tô để cho T vào trộm cắp tài sản, T canh đường và chờ tẩu thoát. T đột nhập lấy trộm 01 cái mô tơ điện, loại 3HP. T điều khiển xe mô tô chạy chở T đi về đến Kênh 500, thuộc ấp B, xã V, huyện V. Lúc này, T đưa cho T 400.000đ, còn mô tơ điện lấy trộm do T cất giữ, số tiền do T đưa, T sử dụng vào mục đích chơi game và làm nguồn sống chính. Sau đó, T bỏ đi khỏi địa P cho đến nay.

* Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận: 01 motor điện, loại 3HP, mua 03 năm, thời gian khấu hao là 03 năm, giá trị của motor còn lại 40%. Giá trị của motor: 1.400.000đ.

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 17 giờ ngày 30/3/2019, Trần Văn Đ rủ Võ Minh T đi tìm nhà sơ hở, đột nhập trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì T đồng ý. Đến khoảng 0 giờ ngày 01/4/2019, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1– 253.41 (xe do Đ làm chủ sở hữu) chạy chở T từ chợ Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận, lưu thông trên Quốc lộ 63, đi hướng huyện U Minh Thượng – Kiên Giang. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô chạy chở T đến nhà của anh Nguyễn Hồng T, thuộc ấp V, xã V, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Đ dừng xe để cho T trộm cắp tài sản, còn Đ canh đường và chờ tẩu thoát. T đột nhập vào nhà lấy trộm của anh Thái 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG

GALAXY Note 4, màu trắng, 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J7 màu hồng và 01 thùng loa hát karaoke di động, hiệu TEMEISHENG professional Audio, công suất 60W, cùng với 01 cái micro có dây cắm vào loa. Sau khi lấy trộm được tài sản, Đ điều khiển xe mô tô chạy chở T và tài sản trộm cắp được, đi về đến nhà của Lê Hoàng C để bán. C biết rõ tài sản do Đ và T trộm cắp mà có nên C mua 01 thùng loa, 01 Micro và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J7 với số tiền 2.000.000đ, còn điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY Note 4, T mang đi bán cho Đỗ Văn D với số tiền 600.000đ, D không biết tài sản do T trộm cắp mà có nên đồng ý mua để sử dụng. Số tiền bán tài sản lấy trộm, Đ chia được số tiền 1.500.000đ, T chia được số tiền 1.100.000đ, số tiền bán tài sản do lấy trộm mà có, cả hai tiêu xài cá nhân, làm nguồn sống chính. Ngoài ra, Đ còn sử dụng tiền mua ma túy của Nguyễn Quốc D2 để sử dụng. Sau khi mua tài sản do Đ và T bán, C sử dụng 01 thời gian thì làm mất điện thoại di động. Đối với 01 thùng loa hát karaoke di động, 01 micro và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY Note 4, Đặng Thị T M và Đỗ Văn D đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

* Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận: 01 thùng loa hát Karaoke di động, nhãn hiệu “TEMEISHENG Professional Audio”, công suất 60W. loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen. Kèm theo 01 Micro có dây cắm vào loa. Loa và Micro được mua mới vào tháng 8/2018 đưa vào sử dụng, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 2.500.000đ.

- *Vụ thứ ba:* Khoảng 23 giờ ngày 09/4/2019, Võ Minh T rủ Huỳnh Bá N điều khiển xe mô tô chạy đi tìm nhà có để thức ăn cho tôm, đột nhập lấy trộm, để bán lấy tiền tiêu xài và chơi game, thì N đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 255.16 (xe thuộc sở hữu của ông Huỳnh Quốc V) chạy chở T đi từ chợ Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận đến nhà anh Lý Văn K, thuộc ấp B A, xã V, huyện V thì N dừng xe để cho T trộm cắp tài sản, còn N canh đường và chờ tẩu thoát. T đi đến mở cửa hông nhà bên trái, đột nhập vào nhà, T lén lút lấy trộm 05 bao thức ăn cho tôm, hiệu Tiger của anh K, vác trên vai mang ra ngoài cửa. Sau đó, N và T mang 04 bao thức ăn cho tôm để trên xe mô tô, còn để lại 01 bao thức ăn cho tôm do không chở được. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô chạy chở T và 04 bao thức ăn cho tôm đến nhà của Trần Văn Q, do trước đó T có đến gặp Q kêu

bán thức ăn cho tôm, Q đồng ý mua. Lúc này, Q biết T do trộm cắp mà có thức ăn cho tôm, nhưng Q không đi ra xem, nên T để lại 04 bao thức ăn bên hông nhà của Q. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, Q mở cửa nhà thấy 04 bao thức ăn Q đã biết thức ăn do T trộm cắp mà có, nên Q đồng ý mua bằng cách mang vào nhà cất giấu và mang cho tôm ăn. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, khi Q đang đi đến ruộng tôm để cho tôm ăn thì T điều khiển xe mô tô chạy đến để lấy tiền bán thức ăn, Q trả cho T số tiền 1.600.000đ, còn thức ăn cho tôm Q sử dụng hết. Sau đó, T chia tiền cho N 800.000đ, số tiền bán tài sản do lấy trộm mà có, T sử dụng chơi game và làm nguồn sống chính, còn N sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân và chơi game hết.

* Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận:

+ 01 bao thức ăn cho tôm loại Tiger TT63, bao thức ăn chưa qua sử dụng. Giá trị của bao: 500.000đ.

+ 04 bao thức ăn cho tôm loại Tiger TT662, bao thức ăn chưa qua sử dụng. Giá trị của 04 bao: 2.200.000đ.

Tổng giá trị: 2.750.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 20 giờ đầu tháng 4 năm 2019 (không xác định được ngày), Võ Minh T rủ rê Võ Khánh L trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân thì L đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 216.53 (xe thuộc sở hữu của ông Võ Văn T A) chạy chở T đi trên Quốc lộ 63, từ chợ Vĩnh Thuận đi hướng chợ Ngã Sáu. Khi đi đến đoạn đường thuộc Khu phố V 2, thị trấn V, huyện V, L dừng xe để cho T đột nhập xuống chiếc chệt xe cuốc đất đang đậu trên sông để trộm cắp tài sản, L canh đường và chờ tẩu thoát. T lén lút, dờ mùng trên mũi chệt, lấy trộm 01 điện thoại di động, hiệu SAMSUNG J6+ và 01 cục sạc dự phòng của anh Trần Quốc T đang sạc pin. Sau khi lấy trộm được tài sản, T lên xe mô tô để cho L điều khiển chạy chở đi tẩu thoát. Đến khoảng 10 giờ ngày hôm sau, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 216.53 chạy chở T đến tiệm điện thoại di động của Nguyễn Thanh N, thuộc khu phố V 2, thị trấn V L bán được số tiền 1.500.000đ, N không biết điện thoại do T và L trộm cắp mà có nên N mua. L và T chia mỗi người được 750.000đ, cả hai sử dụng chơi game và làm

nguồn sống chính. Sau khi mua điện thoại do L bán, N bán cho khách hàng không rõ nhân thân và địa chỉ.

* Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu hiệu SAMSUNG J6+, mua cách thời điểm mất 06 tháng, thời gian khấu hao điện thoại là 06 tháng, giá trị còn lại của điện thoại là 90%. Giá trị của điện thoại: 3.843.000đ.

Vụ thứ năm: Khoảng 23 giờ cuối tháng 4 năm 2019 (không xác định được ngày), Võ Minh Trữ rú Võ Khánh L đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1– 216.53 chạy chở T trên Quốc lộ 63, từ Ngã Sáu đến Vĩnh Thuận đi hướng Vàm Chác Bàng – Vĩnh Thuận. Đến khoảng 0 giờ ngày hôm sau, L điều khiển xe chạy chở T đến nhà của anh Nguyễn Hoàng G, thuộc ấp T, xã P, huyện V thì L dừng xe để cho T đột nhập vào nhà tìm tài sản trộm cắp, còn L ngồi trên xe mô tô để canh đường và chở T chạy tẩu thoát. T đi vào hành lang nhà trước, lén lút lấy trộm 01 máy tính bảng (Ipad), hiệu Appo E1, màu xám trắng. Sau khi lấy trộm được tài sản, T đưa cho L cất giữ rồi lên xe mô tô để cho L điều khiển chạy chở đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ ngày hôm sau, L điều khiển xe L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N – 216.53 chạy chở T đến tiệm điện thoại di động của Nguyễn Thanh N, thuộc khu phố V 2, thị trấn V để bán được số tiền 1.500.000đ, N không biết điện thoại do T và L trộm cắp mà có nên N mua. L và T chia mỗi người được 750.000đ, cả hai sử dụng số tiền này chơi game và làm nguồn sống chính. Sau khi mua điện thoại do L bán, N bán cho khách hàng không rõ nhân thân và địa chỉ.

* Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận: 01 máy tính bảng, hiệu Oppo E1, máy màu xám trắng đã qua sử dụng, mua cách thời điểm bị mất là 02 năm, thời gian khấu hao máy tính bảng là 02 năm, trị giá còn lại của máy tính bảng là 60%. Giá trị của máy tính bảng: 4.200.000đ.

Vụ thứ sáu: Khoảng 0 giờ ngày 04/5/2019, Trần Văn Đ rú rú Trần Hoàng P đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, thì P đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1– 253.41 chạy chở P trên Quốc lộ 63, từ chợ Vĩnh Thuận đi hướng huyện U

Minh Thượng. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô chạy chở P đến nhà của Hà Văn U, thuộc ấp M C, xã M, huyện UMT, Đ dừng xe và giao xe lại cho P để chở tẩu thoát và canh đường, còn Đ đi vào hàng ba nhà trước, lén lút lấy trộm 01 thùng loa hát Karaoke di động, hiệu Ariying, model: K405 (2018), công suất 80W, vỏ màu nâu trắng và 02 micro không dây. Đ mang tài sản lấy trộm đi đến chỗ đậu xe mô tô, Đ giao cho P ngồi sau giữ thùng loa và 02 micro, còn Đ điều khiển xe chạy chở P đi tẩu thoát. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe chạy chở P cùng với tài sản lấy trộm về đến nhà của Lê Hoàng C để bán cho C. Lúc này, C biết rõ tài sản do Đ và P trộm cắp mà có, nhưng C vẫn đồng ý mua 01 thùng loa kẹo kéo và 02 micro không dây với số tiền 2.000.000đ. Đ và P mỗi người chia được 1.000.000đ, cả hai sử dụng số tiền này chơi game và làm nguồn sống chính. Ngoài ra, Đ còn sử dụng tiền mua ma túy của Nguyễn Quốc D2 để sử dụng. Đến ngày 05/7/2019, Đặng Thị T M (vợ của C) phát hiện C mua tài sản do Đ và P trộm cắp mà có, nên đã tự nguyện giao nộp lại vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để trả cho chủ sở hữu.

* Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận: 01 thùng hát Karaoke di động, nhãn hiệu Ariying, model: K405 (2018), công suất 80W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu nâu trắng. Kèm theo loa gồm 02 Micro không dây. Loa và Micro được mua mới vào ngày 14/02/2019, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 4.000.000đ.

Vụ thứ bảy: Khoảng 23 giờ ngày 04/5/2019, Trần Văn Đ rủ rê Trương Đức T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì T2 đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 253.41 chạy chở T2 trên Quốc lộ 63, từ chợ Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận đi hướng huyện U Minh Thượng. Đến khoảng 01 giờ ngày 05/5/2019, Đ điều khiển xe mô tô chạy chở T2 đến nhà của ông Lê Văn Đ, thuộc ấp X, xã T A – UMT, do cửa nhà trước không khóa, chỉ khép hờ nên Đ dừng xe lại và giao xe cho T2 để chở Đ chạy đi tẩu thoát và canh đường, còn Đ mở cửa nhà trước đột nhập vào nhà, lén lút lấy trộm của ông Đ 01 Tivi, nhãn hiệu TCL 23ich. Đ mang Tivi đi ra lộ lên xe mô tô để cho T2 điều khiển chạy chở Đ đi về đến nhà của Lê Hoàng C để bán cho C, nhưng C mua giá rẻ nên Đ không bán. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ và T2 mang cái Tivi lấy trộm đi bán cho Trần Văn Đ3, Đ

và T2 nói dối với Đ3 là cái Tivi của T2, không có tiền tiêu xài nên bán, do tin là Tivi của T2 nên Đ3 đồng ý mua. Đ và T2 bán Tivi lấy trộm cho Đ3 được số tiền 2.000.000đ, Đ và T2 chia đều mỗi người được 1.000.000đ, cả hai sử dụng chơi game và làm nguồn sống chính. Ngoài ra, Đ còn sử dụng tiền mua ma túy của Nguyễn Quốc D2 để sử dụng. Đến ngày 21/6/2019, Đ3 biết Tivi do Đ và T2 trộm cắp mà có nên tự nguyện giao nộp lại cho C quan Cảnh sát điều tra để trả cho chủ sở hữu.

* Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận: 01 Tivi nhãn hiệu TCL, loại Tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 32inch, Model: L32S62, tivi được mua mới vào ngày 09/5/2018, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 3.000.000đ.

- *Vụ thứ tám:* Khoảng 23 giờ ngày 05/5/2019, Trần Văn Đ rủ rê Võ Minh T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì T đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 253.41 chạy chở T trên Quốc lộ 63, từ chợ Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận đi hướng huyện An Minh. Khi Đ điều khiển xe mô tô chạy chở T đến ấp X II, xã Đ, huyện A thì Đ giao xe mô tô lại cho T điều khiển chạy chở Đ. Đến khoảng 01 giờ ngày 06/5/2019, T điều khiển xe mô tô chạy chở Đ đến nhà của Bùi Văn Đ, thuộc ấp X II, xã Đ, huyện A, thì T dừng xe lại để cho Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn T ngồi trên xe canh đường và chờ Đ tẩu thoát. Đ đi vào hàng ba trước nhà anh Đ, Đ lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động, hiệu SAMSUNG J6+ của anh Nguyễn Hữu L và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2 của anh Nguyễn Việt L đang ngủ trong mùng tại hàng ba nhà trước. Đ tiếp tục đi vào nhà sau lấy trộm 01 điện thoại di động, hiệu VIVO-V5, điện thoại có ốp lưng bằng nhựa, màu trắng, của anh Đ đang sạc pin để bên cạnh cửa nhà sau. Đ mang 03 cái điện thoại đi đến chỗ T đưa cho T cất giữ, T điều khiển xe mô tô chạy chở Đ đi tiếp tục trộm cắp tài sản.

- *Vụ thứ chín:* Ngay sau khi thực hiện vụ trộm thứ tám, T điều khiển xe chạy chở Đ đi hướng ấp 8 Xáng, xã Đông Hòa. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/5/2019, T điều khiển xe chạy chở Đ đến nhà của anh Lại Thanh M, thuộc ấp X, xã Đ, huyện A. Đ phát hiện nhà của anh M cửa không khóa, khép hờ, T dừng xe để cho Đ trộm cắp tài sản, còn T ngồi trên xe canh đường và chờ tẩu thoát. Đ đột nhập vào nhà, đi đến phòng ngủ lén lút lấy

trộm của anh M 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG A6+, có ốp lưng bằng nhựa, màu hồng và số tiền 14.000.000đ để trong cái ví. Sau khi lấy trộm được tài sản, Đ đi ra lộ đến chỗ của T, Đ đưa cho T cái điện thoại lấy trộm, còn số tiền lấy trộm Đ cất giữ. Sau đó, T điều khiển xe chạy chở Đ đi về nhà, đến khoảng 03 giờ cùng ngày, khi T và Đ về đến nhà, Đ và T chia tài sản lấy trộm, Đ lấy 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A6+ và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2, còn T lấy 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J6+ và 01 điện thoại di động hiệu VIVO-V5. Đối với số tiền 14.000.000đ, Đ cất giữ không chia cho T. T mang điện thoại lấy trộm đến tiệm điện thoại của Nguyễn Thanh N và Đặng Hoàng L (nhân viên tiệm điện thoại Thành Tâm), cùng địa chỉ Khu phố V 2, thị trấn V, huyện V để bán, cả hai người không biết điện thoại do T trộm cắp mà có nên đồng ý mua. T bán điện thoại hiệu VIVO-V5 cho N được số tiền 1.400.000đ và bán điện thoại hiệu SAMSUNG J6+ cho L được 1.500.000đ, T tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, N và Tâm bán điện thoại cho khách hàng, không xác định được nhân thân và địa chỉ.

Đ sử dụng số tiền trộm cắp mà có mua 01 sợi dây chuyền với số tiền 10.000.000đ, còn lại 4.000.000đ Đ sử dụng chơi game và làm nguồn sống chính. Ngoài ra, Đ còn sử dụng tiền mua ma túy của Nguyễn Quốc D2 để sử dụng. Đ mang sợi dây chuyền về cho vợ là Phạm Thúy K đeo, Đ nói dối với Kiều là chơi game bắn cá thắng có tiền mua dây chuyền. Kiều không biết sợi dây chuyền do Đ dùng tiền trộm cắp mà có để mua nên Kiều sử dụng để đeo. Còn điện thoại di động hiệu SAMSUNG A6+ Đ cho Trương Đức T sử dụng. Sau đó, T2 mang điện thoại do Đ cho cầm cho C, C không biết tài sản do phạm tội mà có, nên C đồng ý cầm cho T2 được số tiền 3.000.000đ, T2 tiêu xài cá nhân hết. Do T2 không chuộc lại điện thoại đã cầm, nên C mang đến tiệm điện thoại di động của Lý Quý T, thuộc Khu phố V 2, thị trấn V, huyện V để bán, do không biết tài sản do phạm tội mà có, nên T đồng ý mua, C bán điện thoại SAMSUNG A6+ cho Lý Quý T được số tiền 2.800.000đ. Sau đó, T bán điện thoại cho khách hàng, không xác định được nhân thân và địa chỉ. Đối với sợi dây chuyền Đ mua cho Kiều, Đ đã bán bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện An Minh, kết luận:

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu VIVO – V5, màu hồng, mua năm 2017, tỷ lệ còn lại 60%, giá trị là 3.594.000đ.

+ 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu trắng, mua năm 2017, tỷ lệ còn lại 80%, giá trị là 40.000đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J6+, màu đỏ, mua tháng 4/2019, tỷ lệ còn lại 95%, có giá trị là: 3.790.500đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J2, màu xám, mua năm 2018, tỷ lệ còn lại 80%, có giá trị là 1.200.000đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A6+, màu đen, mua tháng 6/2018, tỷ lệ còn lại 80%, có giá trị là: 5.592.000đ.

+ 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu hồng, mua năm 2018, tỷ lệ còn lại 90%, có giá trị là 45.000đ.

Tài sản bị xâm hại được định giá tại có giá trị tổng cộng là: 14.261.500đ.

Vụ thứ mười: Khoảng 23 giờ ngày 07/5/2019, Trần Văn Đ rủ rê Trương Đức T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì T2 đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 253.41 chạy chở T2 trên Quốc lộ 63, từ chợ Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận đi hướng huyện An Minh. Khoảng 01 giờ ngày 08/5/2019, Đ điều khiển xe mô tô chạy chở T2 đến nhà của anh Đồng Hoàng A, thuộc ấp X II, xã Đ, huyện A, do nhìn thấy cửa nhà trước không khóa, chỉ khép hờ nên Đ dừng xe lại và giao xe cho T2 để canh đường và chở Đ chạy đi tẩu thoát, còn Đ mở cửa nhà trước đột nhập vào nhà, đi vào phòng ngủ, lén lút lấy trộm 01 cái điện thoại di động, nhãn hiệu FPT, có ốp lưng bằng nhựa, màu trắng của anh Đồng Hoàng A và 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A6+ màu xanh đen, có ốp lưng bằng nhựa, màu trắng của chị Chiêm Thanh T (vợ anh Hoàng A), sạc pin để trong mùng. Sau khi lấy trộm được tài sản, Đ đi ra lộ lên xe mô tô để cho T2 điều khiển chạy chở đi tiếp tục trộm cắp tài sản.

Vụ thứ mười một: Ngay sau khi thực hiện vụ trộm thứ mười, đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/5/2019, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 253.41 chạy chở Đ đến nhà của anh Nguyễn Minh K, thuộc ấp M, xã Đ, huyện A, T2 dừng xe lại để cho Đ trộm cắp tài sản, còn T2 ngồi trên xe canh đường và đợi chờ tẩu thoát. Đ đột nhập vào nhà, đi vào phòng ngủ lén lút lấy trộm của anh Khang 01 cái ví, bên trong ví có số tiền Việt Nam 2.000.000đ và ngoại tệ 02USD. Sau đó, Đ tiếp tục đi đến phòng khách lén lút lấy trộm 01 cái tivi, hiệu Sharp 40inch. Đ mang cái tivi đi đến chỗ T2, T2 điều khiển xe mô tô

chạy chở Đ ngồi phía sau ôm cái tivi đi về nhà. Trên đường đi, Đ làm vỡ cái màn hình của tivi, nên T2 điều khiển xe chở Đ chạy đến nhà kho của anh Phạm Hùng Kiệt (nhà không người ở), thuộc ấp B B, xã B - V, Đ để cái Tivi bên cạnh hông nhà. Đến sáng ngày 08/5/2019, Đ và T2 đến nhà kho lấy cái tivi mang đến nhà của C để kiểm tra thì phát hiện cái tivi không còn sử dụng được nên Đ đã vứt bỏ xuống sông, không truy tìm được. Sau đó, Đ chia cho T2 số tiền lấy trộm mỗi người được 1.000.000đ và 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu FPT. Số tiền được chia, cả hai sử dụng chơi game và làm nguồn sống chính. Ngoài ra, Đ còn sử dụng tiền mua ma túy của Nguyễn Quốc D2 để sử dụng, đối với điện thoại do lấy trộm mà có, T2 sử dụng được một thời gian rồi làm mất.

Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện An Minh, kết luận:

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A6+, màu xanh - đen, mua năm 2018, tỷ lệ còn lại 80%, có giá trị là: 5.440.000đ.

+ 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu trắng, mua tháng 02/2019, tỷ lệ còn lại 95%, có giá trị là 47.500đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu FPT, màn hình cảm ứng, màu đen, mua năm 2018, tỷ lệ còn lại 80%, có giá trị là: 1.360.000đ.

+ 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu trắng, mua tháng 02/2019, tỷ lệ còn lại 95%, có giá trị là 47.500đ.

+ 01 Tivi, nhãn hiệu Sharp – 40inch, màn hình phẳng, màu đen, mua tháng 12 năm 2018, tỷ lệ còn lại 90%, có giá trị là: 5.850.000đ.

+ 02 đô la Mỹ (USD), đơn giá là 23.190, thành tiền Việt Nam đồng là 46.380đ.

Tài sản bị xâm hại có giá trị tổng cộng là: 12.791.380đ.

Vụ thứ mười hai: Khoảng 0 giờ ngày 11/5/2019, Trần Văn Đ rủ rê Võ Khánh L đi tìm nhà sơ hở đột nhập trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì L đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1–253.41 chạy chở L trên Quốc lộ 63, từ chợ Ngã Sáu, đi đến Kênh 11, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận thì Đ giao xe mô tô lại cho L điều khiển chạy chở Đ. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô chạy chở Đ đến nhà của Trần Văn C, thuộc ấp K 11, xã V – V, thì L dừng xe để cho Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn L ngồi trên xe canh đường và chở Đ đi tẩu thoát. Đ đột nhập vào cửa

nhà sau và lén lút lấy trộm của anh Cảnh 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5, màu trắng để trong tủ quần áo và 01 cái Tivi, nhãn hiệu SAMSUNG 43 inch để trên tủ gỗ. Sau khi lấy trộm được tài sản, Đ mang tài sản lấy trộm đi lên xe để cho L điều khiển chạy chở Đ cùng với tài sản lấy trộm đi về nhà. Đến sáng ngày 11/5/2019, Đ đưa cho L số tiền 1.500.000đ để chia tài sản do trộm cắp mà có, còn Đ cất giữ điện thoại và Tivi lấy trộm để sử dụng. Trong quá trình sử dụng Đ làm mất điện thoại di động do lấy trộm mà có, còn Tivi lấy trộm Đ sử dụng đến ngày 08/8/2019 thì ông Trần Văn Đ (cha của Đ) biết Tivi do Đ trộm cắp mà có nên ông Đập tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận, để trao trả cho bị hại.

Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận:

+ 01 Tivi, hiệu SAMSUNG 43inch, màu đen, mã sản phẩm: UA43N5500AK, kiểu sản phẩm: AU43N5500, mua vào tháng 6 năm 2018 với giá là 11.500.000đ, thời gian khấu hao Tivi là 01 năm, giá trị còn lại của Tivi là 80%. Giá trị của Tivi: 9.200.000đ.

+ 01 điện thoại di động, hiệu SAMSUNG J5, màu trắng mua vào năm 2014 với giá 4.800.000đ, điện thoại vẫn còn sử dụng. Giá trị của điện thoại: 500.000đ.

Tổng giá trị tài sản: 9.700.000đ.

Vụ thứ mười ba: Khoảng 0 giờ ngày 14/5/2019, Trần Văn Đ rủ rê Trần Hoàng P đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì P đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1-253.41 chạy chở P trên Quốc lộ 63, từ chợ Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận đi hướng huyện U Minh Thượng. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe chở P đến nhà chị Võ Thị T P, thuộc ấp V, xã V, huyện UMT. Đ quan sát thấy cửa nhà trước khép hờ không khóa, Đ dừng xe lại và giao xe mô tô cho P để chở Đ tẩu thoát, còn Đ đột nhập vào nhà chị P, Đ lén lút lấy trộm 01 cái điện thoại di động, hiệu OPPO F1S của chị P; 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2 của chị Võ Thị T; 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 Pro, Dối ốp lưng điện thoại có 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ của bà Trần Thị N và 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus của Nguyễn Văn L. Đ lấy 01 cái túi xách da của chị P bên trong có các giấy tờ tùy thân của chị P, do không có tài sản nên Đ vứt bỏ trên đường đi, tại địa điểm không xác định. Sau đó, Đ và P mang điện thoại lấy trộm hiệu Iphone 6S Plus đến tiệm điện thoại di động của Lâm Thành T, tại Khu phố V

2, thị trấn V, huyện V để bán. Tâm không biết tài sản do Đ và P trộm cắp mà có nên đồng ý mua, Đ và P bán điện thoại cho anh Tâm được số tiền 500.000đ. Sau đó, Đ và P mang điện thoại lấy trộm hiệu OPPO F1S và SAMSUNG J2, đến tiệm điện thoại di động của Nguyễn Tiến Đ, thuộc khu phố V 1, thị trấn V, huyện V để bán. Đ không biết tài sản do Đ và P trộm cắp mà có, nên anh Đ đồng ý mua, Đ và P bán điện thoại cho anh Đ được số tiền 1.900.000đ. Còn điện thoại lấy trộm hiệu SAMSUNG J7, Đ bán cho Nguyễn Chí H ở ấp C, xã B, huyện V. Hiếu không biết tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Hiếu đồng ý mua. Đ bán điện thoại cho Hiếu được số tiền 2.000.000đ. Số tiền lấy trộm được 500.000đ, Đ và P chi xài cho việc chơi game hết, còn số tiền bán tài sản do lấy trộm mà có, Đ và P chia đều nhau, mỗi người được 2.200.000đ, cả hai sử dụng chơi game và làm nguồn sống chính. Ngoài ra, Đ còn sử dụng tiền mua ma túy của Nguyễn Quốc D2 để sử dụng. Sau khi mua điện thoại do Đ bán, Hiếu sử dụng khoảng 02 tháng rồi bán lại cho Lý Quý T, sau đó T bán lại cho khách hàng không rõ nhân thân và địa chỉ.

Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận:

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus 16GB, vỏ máy màu bạc, máy được mua vào tháng 7/2018, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 3.000.000đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, vỏ máy màu hồng, máy được mua vào tháng 7/2017, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 1.200.000đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J2, vỏ máy màu hồng, máy được mua vào tháng 12/2018, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 1.000.000đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 Pro, vỏ máy màu hồng, máy được mua vào tháng 12/2018, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 3.000.000đ.

Tài sản bị xâm hại được định giá có giá trị tổng cộng là: 8.200.000đ.

Vụ thứ mười bốn: Khoảng 23 giờ ngày 14/5/2019, Trần Văn Đ rủ rê Trần Hoàng P và Trương Đức T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì P và T2 đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1–253.41 chạy chở P và T2 trên Quốc lộ 63, từ chợ

Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận đi hướng huyện U Minh Thượng, khi đến chợ Vĩnh Tiến thì Đ giao xe mô tô lại cho P điều khiển chạy chở Đ và T2. Đến khoảng 02 giờ ngày 15/5/2019, P điều khiển xe chở Đ và T2 đến xã A, huyện UMT, P dừng xe đậu để cho Đ trộm cắp tài sản, còn P và T2 ngồi trên xe mô tô đợi chở Đ và T2 đi tàu thoát. Đ đi bộ khoảng 500m, đến nhà của Lưu Hiền N, thuộc ấp C, xã A, huyện UMT, Đ đi đến nhà sau, cửa nhà không khóa, Đ mở cửa nhà sau đột nhập vào nhà lén lút lấy trộm của anh Nhân 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 5S và 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J5 màu vàng và 01 cái ví bên trong có số tiền Việt Nam 2.250.000đ và các giấy tờ tùy thân của anh Nhân. Lúc này, anh Nhân phát hiện truy hô, Đ bỏ chạy làm rơi lại 01 đôi dép quai kẹp bằng nhựa màu đen, kiểu nam, dép có size 42, trên đế dép có chữ “Vtiaipi”, Đ lên xe mô tô để cho P điều khiển xe mô tô chạy chở Đ và T2 đi về nhà. Đ chia cho P và T2 mỗi người được 750.000đ, còn giấy tờ và cái ví Đ vứt bỏ xuống sông. Điện thoại di động lấy trộm Đ đưa cho P cất giữ điện thoại hiệu Iphone 5S, T2 cất giữ điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY J5. Sau đó, T2 cầm cho Đỗ Văn T được số tiền 1.500.000đ, không biết tài sản do T2 trộm cắp mà có nên T đồng ý cầm điện thoại cho T2. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày hôm sau, T mang điện thoại đến tiệm điện thoại di động của Lý Quý T, thuộc ấp B A, xã V, huyện V, bằng với số tiền đã cầm cho T2 là 1.500.000đ. Sau đó, T bán điện thoại lại cho khách hàng không xác định được nhân thân và địa chỉ. Còn điện thoại lấy trộm do P cất giữ, P sử dụng một thời gian rồi làm mất. Số tiền bán tài sản do lấy trộm mà có, Đ và P sử dụng chơi game và làm nguồn sống chính. Ngoài ra, Đ còn sử dụng tiền mua ma túy của Nguyễn Quốc D2 để sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận:

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S 32BG, vỏ máy màu vàng, máy được mua mới vào tháng 10/2016 đưa vào sử dụng, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 1.200.000đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5, vỏ máy màu vàng, máy được mua mới vào tháng 12.2018 đưa vào sử dụng, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 1.500.000đ.

Tài sản bị xâm hại được định giá có giá trị tổng cộng là: 2.700.000đ.

Vụ thứ mười lăm: Khoảng 01 giờ ngày 25/5/2019, Trần Văn Đ rủ rê Trương Đức T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì T2 đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1– 253.41 chạy chở T2 trên Quốc lộ 63, từ chợ Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận đi hướng xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe chở T2 đến nhà bà Phan Thị O, thuộc ấp Đ, xã V B, huyện V. Đ quan sát thấy cửa nhà của bà O đang xây dựng, không hàng rào, không cửa và có căn nhà tạm bên cạnh, Đ dừng xe lại và giao xe mô tô cho T2 để chở Đ tẩu thoát, còn Đ đột nhập vào căn nhà tạm của bà O lén lút lấy trộm 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia 230, vỏ màu đen và 01 cái Tivi hiệu SONY 40inch, trong nhà phát hiện truy hô, Đ mang Tivi lấy trộm bỏ chạy lên xe để cho T2 điều khiển chạy chở đi về nhà của Lê Hoàng C để bán cho C, nhưng C không mua, nên Đ giao Tivi lấy trộm cho T2 cất giữ, còn Đ giữ cái điện thoại lấy trộm để sử dụng. Sau đó, T2 mang Tivi lấy trộm đến bán cho Huỳnh Văn Dàng, trú ấp Minh Cường A, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, không biết tài sản do Đ và T2 trộm cắp mà có, nên Dàng đồng ý mua. Đ bán cho Dàng Tivi lấy trộm được số tiền 2.000.000đ. Số tiền bán tài sản do lấy trộm mà có, Đ và T2 chia đều nhau, mỗi người được 1.000.000đ, T2 tiêu xài cá nhân hết, còn Đ dùng 1.000.000đ mua ma túy do Lê Quốc Dbán, để sử dụng cá nhân. Đối với cái điện thoại di động lấy trộm mà có, Đ sử dụng một thời gian rồi làm mất. Đến ngày 25/6/2019, anh D biết Tivi do T2 trộm cắp mà có nên anh D tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận, để trao trả cho bị hại.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận:

+ 01 Tivi hiệu Sony 90inch, màu đen, MODEL NO ký hiệu KDL-40R350B, SERIAL NO 2911660 mua vào tháng 4/2015, thời gian khấu hao là 04 năm, giá trị còn lại của tivi là 20%. Giá trị của tivi là: 1.580.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 230, màu đen – xám, thời gian khấu hao của điện thoại là 01 năm, giá trị còn lại của điện thoại là 80%. Giá trị của điện thoại là: 1.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản là: 2.580.000đ.

Vụ thứ mười sáu: Khoảng 23 giờ ngày 31/5/2019, Võ Khánh L rủ rê Lê Hoàng C, Trần Hoàng P và Trương Đức T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì C, P và T2 đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 216.53 chạy chở T2, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1–174.74 (xe do C làm chủ sở hữu) chở P trên Quốc lộ 63, từ chợ Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận đi hướng huyện U Minh Thượng để tìm nhà sơ hở đột nhập trộm cắp tài sản, khi đến chợ Ngã Năm thì C giao xe lại cho P điều khiển chạy chở C. Đến khoảng 02 giờ ngày 01/6/2019, L, P, C và T2 điều khiển xe mô tô chạy đến nhà ông Sơn Ngọc R, thuộc ấp K, xã A, huyện UMT, C và L ngồi trên xe canh đường và chạy chờ tẩu thoát, còn P và T2 quan sát thấy cửa nhà của ông Rum khép hờ, không khóa cửa, nên cả hai người đột nhập vào nhà, P đi vào phòng ngủ lén lút lấy trộm của anh Sơn N 01 điện thoại di động hiệu HTC và 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar. Sau đó, P đi tiếp tục lấy trộm 01 Tivi, hiệu Samsung 43inch để trên tủ. P giao Tivi lại cho T2 giữ, P và T2 mang Tivi lấy trộm đi đến chỗ C và L. L điều khiển xe mô tô chạy chở T2 ngồi phía sau giữ cái Tivi lấy trộm, còn C điều khiển xe mô tô chở P đi về đến nhà của C. C cất giữ cái Tivi và điện thoại di động hiệu Mobiistar, còn T2 cất giữ điện thoại di động HTC do lấy trộm mà có.

Khoảng 03 đến 04 ngày sau, T2 bán điện thoại HTC cho Trần Hoài T, địa chỉ ấp M C, xã M, huyện UMT, do điện thoại không khóa mật khẩu, Thanh không biết tài sản do T2 trộm cắp mà có nên đồng ý mua. T2 bán điện thoại cho Thanh được 800.000đ, T2 sử dụng chơi game và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 04/6/2019, P đến nhà của Đỗ Văn T (T) kêu bán Tivi do lấy trộm mà có, T không đồng ý mua, nên P nhờ T bán giùm, P hứa nếu T bán Tivi lấy trộm giùm được với giá 4.000.000đ thì P sẽ cho T tiền hoa hồng là 400.000đ, thì T đồng ý. Vì biết rõ tài sản do P trộm cắp mà có nên T gọi điện thoại cho Đỗ Văn H, T nói dối với Hận “*có người quen thiếu nợ nên kêu bán Tivi 43inch với số tiền 4.000.000đ để trả nợ*”, do tưởng là thật nên anh Hận đồng ý mua. Sau đó, T đi đến nhà của C lấy cái Tivi giao cho Hận, Hận trả tiền cho T 4.000.000đ, T lấy tiền hoa hồng 400.000đ như đã hứa hẹn, còn lại 3.600.000đ T đưa cho P. Sau đó P, C, L và T2 chia đều nhau số tiền bán tài sản do trộm cắp mà có, mỗi người được 900.000đ, C sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết, còn P, L và T2 sử

dụng chơi game và làm nguồn sống chính. Đối với số tiền 400.000đ T đã tự nguyện hoàn trả lại cho anh Hận

Sau đó, Hận, Thanh và Đặng Thị T M (vợ của C) biết được Tivi và điện thoại di động do phạm tội mà có, nên đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng để trả cho chủ sở hữu.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận:

+ 01 Tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 43inch, tivi được mua mới vào tháng 8/2017, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 6.650.000đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M8, vỏ máy màu vàng, máy mua mới vào năm 2014, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 4.200.000đ.

+ 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar model Z1, tình trạng máy đã bị nứt màn hình nhưng vẫn còn sử dụng được, máy mua mới năm 2016, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 1.320.000đ.

Tài sản bị xâm hại được định giá có giá trị tổng cộng là: 12.170.000đ.

Vụ thứ mười bảy: Khoảng 23 giờ ngày 01/6/2019, Võ Khánh L rủ rê Trương Minh K, sinh ngày 18/10/2004, đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì K đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1–216.53 chạy chở Khánh trên Quốc lộ 63, từ chợ Ngã Sáu, huyện Vĩnh Thuận đi hướng chợ Ngã Năm, huyện Vĩnh Thuận để tìm nhà sơ hở đột nhập trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 02/6/2019, L điều khiển xe chạy chở K đến nhà của anh Lê Văn K, thuộc ấp B, xã B – V, L dừng xe để cho K trộm cắp tài sản, còn L ngồi trên xe đợi chờ đi tẩu thoát. K đi đến quan sát thấy cửa nhà sau không đóng, nên đột nhập vào nhà lén lút lấy trộm của anh Khỏe 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2, vỏ màu vàng, rồi sau đó K mang điện thoại đi trở ra đưa cho L cất giữ. L điều khiển xe mô tô chạy chở K đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày 02/6/2019, L điều khiển chạy chở K đến tiệm điện thoại của Nguyễn Thanh N, thuộc khu phố 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận để bán điện thoại do lấy trộm mà có, không biết tài sản do trộm cắp mà có nên N đồng ý mua. L bán điện thoại cho N được số tiền 600.000đ, L chia đều cho K, mỗi người được số tiền 300.000đ, cả hai tiêu xài cá nhân hết. Sau đó N bán

điện thoại lại cho khách hàng không xác định được nhân thân và địa chỉ. Hiện nay, K đã đi khỏi địa phương, chưa xác định được chỗ ở.

Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2, màu vàng, loại cảm ứng, quay phim, chụp hình, mua trước thời điểm bị mất một năm với giá 2.440.000đ, thời gian khấu hao điện thoại là 01 năm, giá trị còn lại của điện thoại 80%. Giá trị của điện thoại là: 1.952.000đ.

Vụ thứ mười tám: Khoảng 0 giờ ngày 03/6/2019, Võ Khánh L rủ rê Trần Hoàng P và Trương Đức T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì P và T2 đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1–216.53 chạy chở P và T2 trên Quốc lộ 63, từ chợ Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận đi hướng chợ Ngã Năm, xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận để tìm nhà sơ hở đột nhập trộm cắp tài sản. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, L điều khiển xe chở P và T2 đến ấp Bình Minh, xã Vĩnh Bình Bắc – Vĩnh Thuận thì phát hiện có chiếc chệt xe cuốc đang đậu trên sông, L dừng xe để cho P và T2 trộm cắp tài sản, còn L ngồi trên xe đợi chờ đi tẩu thoát. P và T2 đột nhập vào cabin chệt xe cuốc lén lút lấy trộm của anh Võ Hoàng T 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 và 01 sạc pin dự phòng hiệu X Mobile, màu xanh, còn T2 lục ví của anh Thái lấy trộm 200.000đ. Sau đó, P và T2 đi đến chỗ L giao lại tài sản lấy trộm cho L cất giữ, L điều khiển xe mô tô chạy chở P và T2 đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô chạy chở P đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn Vũ L, thuộc Khu phố V 2, thị trấn V, huyện V để bán tài sản lấy trộm, anh Vũ L không biết tài sản do P và L trộm cắp mà có, nên đồng ý mua. L bán điện thoại cho anh Vũ L được số tiền 1.800.000đ. Số tiền bán tài sản do trộm cắp mà có, L, P và T2 chia mỗi người được 600.000đ, tiêu xài cá nhân hết, còn số tiền 200.000đ do trộm cắp mà có L và P chỉ cho việc ăn uống hết. Điện thoại sau khi mua, anh Vũ L sử dụng được một thời gian rồi làm rơi mất.

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đen, loại cảm ứng, mua trước thời điểm bị mất 01 năm với giá 6.990.000đ, thời gian khấu hao điện thoại là 01 năm, giá trị còn lại của điện thoại là 80%. Giá trị của điện thoại là 5.592.000đ.

+ 01 sạc pin dự phòng hiệu X Mobile, màu xanh, mua mới và sử dụng được 03 tháng. Giá trị của sạc dự phòng là: 500.000đ.

Tổng giá trị tài sản: 6.092.000đ.

Vụ thứ mười chín: Khoảng 23 giờ ngày 07/6/2019, Võ Khánh L rủ rê Trần Hoàng P và Trương Đức T đi trộm cắp tài sản để bán có tiền tiêu xài cá nhân, thì P và T2 đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N1–216.53 chạy chở P và T2 trên Quốc lộ 63, từ chợ Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận đi hướng chợ Nhà Ngang, xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng để tìm nhà sơ hở đột nhập trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 08/6/2019, L điều khiển xe chở P và T2 đến nhà của bà Trần Thị Tỏ, thuộc ấp V, xã H, huyện UMT thì phát hiện nhà không đóng cửa, nên L dừng xe để cho P và T2 trộm cắp tài sản, còn L ngồi trên xe canh đường và đợi chờ đi tẩu thoát. P và T2 đột nhập vào nhà bà Tỏ, P lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY A5, trong ổ lưng điện thoại có 01 tờ ngoại tệ mệnh giá 2 USD của anh Nguyễn Tiến A; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus của chị Phan Thị P; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J6+ của Nguyễn Tiến P và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S6 edge, trong ổ lưng điện thoại có 02 tờ ngoại tệ mệnh giá 5 USD của Nguyễn Ngọc T. Sau khi lấy trộm được 06 điện thoại di động, P đưa lại cho T2 cất giữ, rồi đi ra lộ lên xe để cho L điều khiển xe mô tô chạy chở P và T2 đi về nhà. L cất giữ 03 tờ ngoại tệ và 04 điện thoại di động lấy trộm, còn T2 cất giữ điện thoại di động lấy trộm hiệu Iphone 6S Plus và điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S6 edge.

Đến khoảng 15 giờ ngày 08/6/2019, L điều khiển xe mô tô chạy chở P đi đến tiệm điện thoại di động của Nguyễn Thanh N, thuộc Khu phố V 1, thị trấn V, huyện V để bán 04 điện thoại do lấy trộm mà có. Do điện thoại di động hiệu Iphone 7S Plus và hiệu SAMSUNG GALAXY J6+ màn hình bị khóa mật khẩu, L và P không biết mật khẩu để mở điện thoại nên N biết các điện thoại do L và P trộm cắp mà có, nhưng vì ham lợi nên N đồng ý mua. N thỏa thuận khi nào chạy được chương trình, bỏ khóa được mật khẩu điện thoại di động sẽ mua với giá trên thị T, còn không bỏ khóa được mật khẩu sẽ mua lại xác máy với giá từ 600.000đ đến 1.000.000đ. Đối với điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY A5 N mua với giá 500.000đ và điện thoại di động hiệu Micrisoft model: RM-1099 đã quá cũ nên N không mua. L và P đồng ý bán điện thoại lấy trộm cho N được số

tiền 500.000đ và đưa 02 điện thoại di động cho N chạy chương trình bẻ khóa mật khẩu, còn điện thoại di động N không mua nên L mang về sử dụng cá nhân.

T2 bán điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus cho Nguyễn Quốc D, trú ấp C, xã V, huyện UMT được số tiền 4.000.000đ và cầm điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S6 edge cho Đỗ Văn T được số tiền 1.000.000đ, không biết tài sản do T2 trộm cắp mà có nên Dân và T đồng ý mua và nhận cầm điện thoại cho P. Số tiền bán và cầm tài sản do trộm cắp mà có, T2 sử dụng cho việc mua ma túy của D để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Hiện nay, Lê Quốc D đã bỏ đi khỏi địa phương.

Sau khi mua điện thoại do L và P bán, N chạy chương trình bẻ khóa mật khẩu điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY J6+ không được. Sau đó N bán lại cho khách hàng không xác định được nhân thân và địa chỉ gồm: 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A5 bán được số tiền 700.000đ, 01 điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY J6+ được số tiền 600.000đ (do bán lại xác máy điện thoại), bán điện thoại hiệu Iphone 7S Plus được số tiền 1.200.000đ. Sau đó, N chuộc lại điện thoại Iphone 7S Plus với số tiền 1.500.000đ để giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu. Tổng cộng N bán tài sản do bị cáo P và L phạm tội mà có thu lợi bất chính được 500.000đ.

Đến ngày 18/6/2019, L đã tự nguyện giao nộp lại điện thoại di động hiệu Micrisoft model: RM-1099 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng để trả cho chủ sở hữu.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7S Plus 128GB, vỏ máy màu hồng, được mua mới vào tháng 12/2018, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 10.000.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY A5, vỏ máy màu vàng, được mua mới vào tháng 7/2017, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 6.000.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 128GB, vỏ máy màu hồng, được mua mới vào tháng 11/2018, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 7.000.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu Microsoft, model: RM-1099, vỏ máy màu đen, được mua mới vào tháng 7/2017, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 600.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J6+, vỏ máy màu đen, được mua mới vào tháng 01/2019, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 3.500.000đ.

+ 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S6 edge, vỏ máy màu xanh, được mua mới vào tháng 5/2017, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 4.000.000đ

+ Ngoại tệ 01 tờ mệnh giá 02 USD, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 46.710đ.

+ Ngoại tệ 02 tờ mệnh giá 05 USD, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 233.550đ.

Tài sản bị xâm hại được định giá có giá trị tổng cộng là: 31.380.260đ.

Vụ thứ hai mươi: Khoảng 01 giờ ngày 11/6/2019, Trần Văn Đ đi bộ từ ấp T, xã T, huyện V tìm nhà sơ hở để đột nhập trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ 15 phút giờ cùng ngày, Đ đi bộ đến nhà của anh Nguyễn Văn Đăng, thuộc ấp T, xã T, Đ đi đến bên hông nhà bên phải, mở cửa sổ lén lút lấy trộm của chị Nguyễn Thị Thùy T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng. Đ để điện thoại lấy trộm vào túi quần rồi đi bộ về đến nhà ngủ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Đ mang điện thoại lấy trộm đến cầm cho Đỗ Văn T, do điện thoại tắt nguồn, T không biết tài sản do Đ trộm cắp mà có, nên T đồng ý mua. Đ cầm điện thoại lấy trộm cho T được số tiền 1.000.000đ, sử dụng chơi game hết. Đến ngày 23/6/2019, T biết được tài sản do Đ trộm cắp mà có nên tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận để trao trả lại cho chủ sở hữu.

Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu hồng, mua vào ngày 08/6/2019, điện thoại chưa đến thời gian khấu hao. Giá trị của điện thoại là 7.990.000đ.

Vụ thứ hai mươi một: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 18/6/2019, Trần Văn Đ rủ rê Trương Đức T đi tìm nhà sơ hở, đột nhập trộm cắp tài sản để bán có tiền, chia nhau tiêu xài cá nhân, thì T2 đồng ý. Trước khi đi Đ đưa cho T2 01 cây dao tự chế để trông vỏ bao đựng dao bằng vải màu đen, nhằm để chống trả, tẩu thoát khi bị phát hiện. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68N-253.41 chạy chở T2 mang theo 01 cây dao tự chế, đi trên Quốc lộ 63,

từ chợ Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận đi hướng huyện U Minh Thượng, sau đó Đ giao xe mô tô lại cho T2 điều khiển chạy chở Đ. Đến khoảng 01 giờ 15 phút cùng ngày, T2 điều khiển xe chạy chở Đ đến ấp V, xã V, huyện UMT thì quan sát thấy có chiếc chet xe cuốc đang đậu trên sông, T2 dừng xe lại để cho Đ trộm cắp tài sản, còn T2 ngồi trên xe canh đường và chạy chở tẩu thoát. Đ đột nhập xuống chiếc chet, lén lút lấy trộm của anh Lý Như K 01 máy điện thoại di động hiệu NOKIA LUMIA 1520, tình trạng máy đã bị hư hỏng không còn sử dụng được, 01 mô hình điện thoại bằng nhựa, màu trắng (đồ chơi trẻ em) và 01 cái ví da bên trong ví có số tiền Việt Nam 2.020.000đ và giấy tờ tùy thân của anh K để trong mũng ngủ trên mũ chet. Lúc này, anh Khanh phát hiện truy hô, Đ chạy lên xe mô tô để cho T2 điều khiển chạy chở đi hướng Vĩnh Thuận để tẩu thoát. Ngay sau đó, Tổ tuần tra hình sự Công an huyện U Minh Thượng đang tuần tra trên Quốc lộ 63 phát hiện, truy đuổi. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ tuần tra truy đuổi Đ và T2 đến ấp V, xã V thì bắt quả tang Đ, T2 và thu giữ các vật chứng do các bị cáo trộm cắp mà có và sử dụng là công cụ, P tiện để trộm cắp tài sản, gồm: 01 máy điện thoại di động hiệu NOKIA LUMIA 1520, tình trạng máy đã bị hư hỏng không còn sử dụng được; 01 mô hình điện thoại bằng nhựa, màu trắng (đồ chơi trẻ em), mô hình điện thoại hiệu SAMSUNG GALAXY A8; 01 cái ví da, màu vàng da bò, trên ví có chữ Marlboro, đã qua sử dụng; số tiền Việt Nam 2.020.000đ (gồm 02 tờ mệnh giá 500.000đ, 10 tờ mệnh giá 100.000đ và 02 tờ mệnh giá 10.000đ); giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Như K; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exxciter, biển kiểm soát 68N1-253.41, màu sơn đen, số máy G3DAE787439, số khung RLS UG1010 JY022207, đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ; 01 cây dao tự chế bằng kim loại, màu trắng, dài 47cm, trên lưỡi dao có chữ USA PESIGNY 04288 và 01 vỏ bao đựng dao bằng vảo màu đen, dài 52cm, rộng nhất 09 cm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã trao trả cho chủ sở hữu anh Lý Như K, do máy điện thoại di động bị hư hỏng không còn sử dụng được, 01 mô hình điện thoại bằng nhựa, màu trắng và 01 cái ví da không còn giá trị để sử dụng, nên anh K không yêu cầu định giá tài sản.

Tổng giá trị tài sản bị các bị cáo xâm hại với số tiền cụ thể là:

Trần Văn Đ thực hiện tổng cộng 12 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 93.492.880đ.

Võ Minh T thực hiện tổng cộng 07 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 47.954.500đ.

Võ Khánh L thực hiện tổng cộng 07 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 69.537.260đ.

Trần Hoàng P thực hiện tổng cộng 06 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 67.492.260đ.

Lê Hoàng C thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, trị giá là: 12.170.000đ và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tổng cộng 02 vụ, tài sản phạm pháp trị giá tổng cộng là 6.500.000đ.

Huỳnh Bá N thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trị giá là 2.750.000đ.

Nguyễn Thanh N tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 vụ, tài sản phạm pháp trị giá là 19.500.000đ.

Đỗ Văn T tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 vụ, tài sản phạm pháp trị giá là 6.650.000đ.

Trần Văn Q tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 vụ, tài sản phạm pháp trị giá là 2.750.000đ.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng thu giữ và đã trả lại tài sản cho các bị hại gồm:

+ Trả cho anh Lý Như K số tiền Việt Nam 2.020.000đ; 01 cái ví da kiểu nam, màu vàng da bò, trên ví có chữ Marlboro, ví đã qua sử dụng; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA LUMIA 1520, vỏ máy màu đen, tình trạng máy đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được; 01 mô hình điện thoại bằng nhựa, loại mô hình máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A8 màu trắng;

+ Trả cho anh Lại Thanh M 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Nghiêm; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 006189;

+ Trả cho ông Nguyễn Tiến A, chị Phan Thị P và Nguyễn Ngọc T gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7S Plus, vỏ máy màu hồng, máy có số IMEI: 355372080966123; 01 điện thoại di động hiệu Microsoft, model: RM-1099, vỏ máy màu đen, máy có số IMEI: 353679075355242; 01 máy điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S6 edge, vỏ máy

màu xanh, máy có số IMEI: 357741061312821/69; 02 tờ ngoại tệ mệnh giá 05 USD và 01 tờ ngoại tệ mệnh giá 02 USD;

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, máy có số IMEI: 959334;

+ Trả cho ông Sơn Ngọc R 01 máy điện thoại di động hiệu Mobistar model: Z1, số IMEI: 357850423329413, vỏ máy màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu HTC One M8, vỏ máy màu vàng, đã qua sử dụng; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 43inch, model: UA43M5500AK;

+ Trả cho anh Hà Văn U 01 thùng loa hát karaoke di động, nhãn hiệu Ariying, model: K405 (2018), công suất: 80W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen. Kèm theo 01 Micro không dây;

+ Trả cho anh Nguyễn Hồng T 01 thùng loa hát karaoke di động, nhãn hiệu “TEMEISHENG Professional Audio”, công suất: 60W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen. Kèm theo 01 Micro có dây cắm vào loa; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY Note 4, vỏ máy màu trắng.

+ Trả cho anh Trần Văn C 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG 43inch, màu đen, mã sản phẩm UA43N5500AK, kiểu sản phẩm UA43N5500;

+ Trả cho ông Lê Văn Đ 01 tivi nhãn hiệu TCL, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 32 Inch Model: L32S62;

+ Trả cho bà Phan Thị O 01 tivi nhãn hiệu SONY 40 inch, màu đen, Model NO: KDL-40R350B; SERIAL NO 2911660.

- C quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã tạm giữ gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1 – 253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207, xe cũ đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ;

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn: trắng đỏ, biển kiểm soát 68N1 – 174.74, số máy: 5C6H267042, số khung: C6H0GY267024, xe không búng đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 022359, biển kiểm soát 68N1–174.74, do Công an huyện Vĩnh Thuận cấp cho Trần Văn Thái vào ngày 02/5/2019;

+ 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dao có tổng chiều dài 47cm, trên lưỡi dao có hình biểu tượng con cá sấu và chữ “*U.S.A DESIGN y042288*”; 01 vỏ bao đựng dao tự chế bằng vải màu đen, vỏ có tổng chiều dài 52cm, nơi rộng nhất 09cm;

+ 01 đôi dép quai kẹp bằng nhựa màu đen, kiểu nam, dép có size 42, trên đế dép có chữ “*Vtiaipi*”, dép dài 28cm, nơi rộng nhất 11cm, đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-HS ngày 30/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Trần Văn Đ, Võ Khánh L, Trần Hoàng P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Võ Minh T bị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Lê Hoàng C và Huỳnh Bá N bị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các bị cáo Lê Hoàng C, Nguyễn Thanh N, Trần Văn Q và Đỗ Văn T bị truy tố về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát bổ sung và đính chính một số điểm trong Cáo trạng như sau:

- Về phần lý lịch bị cáo: Bổ sung tên gọi khác đối với bị cáo Đỗ Văn T là tên T.
- Trong vụ trộm thứ nhất: Đối với tài sản bị mất trộm là 01 motor điện, loại 3HP, sau khi lấy trộm tài sản này do Nguyễn Văn T quản lý đến nay Cơ quan cảnh sát điều tra chưa làm việc được với T và chưa thu giữ được tài sản trên nên sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

- Trong vụ trộm thứ 2: Bổ sung kết luận định giá số 12/KL-HĐĐG ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận: 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY Note 4, màu trắng được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 2.500.000đ và 01 cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY J7 màu hồng được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 3.000.000đ.

- Trong vụ trộm thứ 19: Bổ sung tài sản các bị cáo đã lấy trộm thêm 02 cái điện thoại: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7S Plus 128GB, vỏ máy màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Microsoft, model: RM-1099, vỏ máy màu đen.

- Về phần xử lý tài sản trong vụ trộm thứ 6 và thứ 16: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng trả cho anh Hà Văn U 01 thùng loa hát karaoke di động, nhãn hiệu Ariying, model: K405 (2018), công suất: 80W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen và kèm theo 02 Micro không dây.

Trả cho ông Sơn Ngọc R và anh Sơn N 01 máy điện thoại di động hiệu Mobiistar model: Z1, số IMEI: 357850423329413, vỏ máy màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu HTC One M8, vỏ máy màu vàng, đã qua sử dụng; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 43inch, model: UA43M5500AK;

- Bị cáo Trần Văn Đ thực hiện tổng cộng là 13 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 93.492.880đ.

- Bổ sung kết luận định giá tài sản là chiếc xe của bị cáo Trần Văn Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội: Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1 – 253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207 được mua mới vào tháng 01/2019, tại thời điểm tháng 12 năm 2019 có giá là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

Đồng thời, giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng về việc truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Đ, Võ Khánh L, Trần Hoàng P, Võ Minh T và Huỳnh Bá N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn Q và Đỗ Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Bị cáo Lê Hoàng C phạm các tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xem xét xử phạt từng bị cáo mức án cụ thể như sau:

1/ Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; các điểm g, o khoản 1 Điều 52 và điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn Đ mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

2/ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm g, o khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Minh Tmức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

3/ Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; ; điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Khánh L mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

4/ Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 và các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Hoàng P mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

5/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52 và các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Hoàng C mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội với mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

6/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Bá N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi mức hình phạt.

7/ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

8/ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn Q mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

9/ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo bị đề nghị hình phạt cải tạo không giam giữ do có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên đề nghị HĐXX miễn xét khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối việc bị cáo Trần Văn Đ đã bồi thường cho bị hại Lại Thanh M số tiền theo thỏa thuận là 19.592.000đ; bồi thường cho bị hại Đồng Hoàng A số tiền theo thỏa thuận là 3.447.000đ; bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh K số tiền theo thỏa thuận là 7.896.380đ; bồi thường cho bị hại Trần Văn C số tiền theo thỏa thuận là 2.000.000đ; bồi thường cho các bị hại: Võ Thị T P, Võ Thị T, Trần Thị N với tổng số tiền là 8.700.000đ; bồi thường cho bị hại Lưu Hiền N số tiền theo thỏa thuận là 1.650.000đ; bồi thường cho bị hại Phan Thị O số tiền theo thỏa thuận là 1.000.000đ, bị cáo Trần Văn Đ và Lê Hoàng C đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Hồng T số tiền theo thỏa thuận là 3.000.000đ, gia đình bị cáo Võ Minh T đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho các bị hại Lê Văn H số tiền theo thỏa thuận là 1.400.000đ; bồi thường cho Bùi Văn Đ số tiền theo thỏa thuận là 3.634.000đ; bồi thường cho Nguyễn Hữu L số tiền theo thỏa thuận là 3.790.000đ; Nguyễn Viết L số tiền theo thỏa thuận là 1.200.000đ, gia đình bị cáo Huỳnh Bá N đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại Lý Văn K số tiền 2.200.000đ; Gia đình bị cáo Võ Khánh L đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại Lê Văn K số tiền theo thỏa thuận là 1.000.000đ; bồi thường cho bị hại Võ Hoàng T số tiền theo thỏa thuận là 2.100.000đ; bồi thường cho bị hại Nguyễn Tiến A số tiền theo thỏa thuận là 5.500.000đ; gia đình các bị cáo Võ Khánh L và Võ Minh T đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại Trần Quốc T số tiền 3.843.000đ; bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng G số tiền 4.000.000đ; bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh Đỗ Văn H 400.000đ và bồi thường cho anh Hận số tiền 1.800.000đ. Các bị hại đã nhận xong tiền bồi thường và không cầu các bị cáo và gia đình bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị miễn xét.

Các bị hại Nguyễn Hồng T, Hà Văn U, Lê Văn Đ, Sơn Ngọc R, Sơn N, Nguyễn Thị Thùy T, Lý Như K đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị miễn xét.

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Hoàng P cùng với bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột của bị cáo Trần Hoàng P, người có nghĩa vụ liên quan Trương Đức T, ông Trương Văn H là cha ruột của Trương Đức T cùng liên đới bồi thường cho các bị hại Lưu Hiền N số tiền theo thỏa thuận là 3.300.000đ, bồi thường cho Nguyễn Tiến A, Phan Thị P, Nguyễn Tiến P số tiền 11.000.000đ và bồi

thường cho Võ Hoàng T số tiền 4.192.000đ, phần thỏa thuận này đến nay chưa bồi thường, đề nghị buộc bị cáo và những người liên quan tiếp tục bồi thường cho các bị hại.

Đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa ông Trương Văn H và Trương Đức T đồng ý bồi thường cho bị hại Đồng Hoàng A số tiền theo thỏa thuận là 3.447.000đ, phần thỏa thuận này đến nay chưa bồi thường, đề nghị buộc người liên quan và người đại diện hợp pháp của người liên quan tiếp tục bồi thường cho bị hại.

Gia đình các bị cáo Võ Minh T, Huỳnh Bá N và Võ Khánh L không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã thay các bị cáo bồi thường cho các bị hại nên đề nghị miễn xét.

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi còn lại với tổng số tiền 24.760.000đ theo hợp đồng tín dụng số 20181231-4935306 ngày 31/12/2018 với Công ty tài chính TNHH MTV .

Về biện pháp tư pháp:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng thu giữ và đã trả lại cho các bị hại nhận lại xong các tài sản nên không đề nghị xem xét, cụ thể các tài sản gồm:

1/ Trả cho anh Lý Như K số tiền Việt Nam 2.020.000đ; 01 cái ví da kiểu nam, màu vàng da bò, trên ví có chữ Marlboro, ví đã qua sử dụng; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA LUMIA 1520, vỏ máy màu đen, tình trạng máy đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được; 01 mô hình điện thoại bằng nhựa, loại mô hình máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A8 màu trắng;

2/ Trả cho anh Lại Thanh M 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Nghiêm; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 006189;

3/ Trả cho ông Nguyễn Tiến A, chị Phan Thị P và Nguyễn Ngọc T gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7S Plus, vỏ máy màu hồng, máy có số IMEI: 355372080966123; 01 điện thoại di động hiệu Microsoft, model: RM-1099, vỏ máy màu đen, máy có số IMEI: 353679075355242; 01 máy điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S6 edge, vỏ máy màu xanh, máy có số IMEI: 357741061312821/69; 02 tờ ngoại tệ mệnh giá 05 USD và 01 tờ ngoại tệ mệnh giá 02 USD;

4/ Trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, máy có số IMEI: 959334;

5/ Trả cho ông Sơn Ngọc R và anh Sơn N 01 máy điện thoại di động hiệu Mobistar model: Z1, số IMEI: 357850423329413, vỏ máy màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu HTC One M8, vỏ máy màu vàng, đã qua sử dụng; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 43inch, model: UA43M5500AK;

6/ Trả cho anh Hà Văn U 01 thùng loa hát karaoke di động, nhãn hiệu Ariying, model: K405 (2018), công suất: 80W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen. Kèm theo 02 Micro không dây;

7/ Trả cho anh Nguyễn Hồng T 01 thùng loa hát karaoke di động, nhãn hiệu “TEMEISHENG Professional Audio”, công suất: 60W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen. Kèm theo 01 Micro có dây cắm vào loa; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY Note 4, vỏ máy màu trắng.

8/ Trả cho anh Trần Văn C 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG 43inch, màu đen, mã sản phẩm UA43N5500AK, kiểu sản phẩm UA43N5500;

9/ Trả cho ông Lê Văn Đ 01 tivi nhãn hiệu TCL, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 32 Inch Model: L32S62;

10/ Trả cho bà Phan Thị O 01 tivi nhãn hiệu SONY 40 inch, màu đen, Model NO: KDL-40R350B; SERIAL NO 2911660.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã tạm giữ gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1 – 253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207, xe cũ đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn: trắng đỏ, biển kiểm soát 68N1 – 174.74, số máy: 5C6H267042, số khung: C6H0GY267024, xe không hỏng đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 022359, biển kiểm soát 68N1 – 174.74, do Công an huyện Vĩnh Thuận cấp cho Trần Văn Thái vào ngày 02/5/2019.

+ 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dao có tổng chiều dài 47cm, trên lưỡi dao có hình biểu tượng con cá sấu và chữ “U.S.A DESIGN y042288”; 01 vỏ bao đựng dao tự chế bằng vải màu đen, vỏ có tổng chiều dài 52cm, nơi rộng nhất 09cm.

+ 01 đôi dép quai kẹp bằng nhựa màu đen, kiểu nam, dép có size 42, trên đế dép có chữ “*Vtiaipi*”, dép dài 28cm, nơi rộng nhất 11 cm, đã qua sử dụng.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn: trắng đỏ, biển kiểm soát 68N1 – 174.74, số máy: 5C6H267042, số khung: C6H0GY267024, xe không bửng đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 022359, biển kiểm soát 68N1– 174.74, do Công an huyện Vĩnh Thuận cấp cho Trần Văn Thái vào ngày 02/5/2019, do bị cáo Lê Hoàng C sử dụng vào mục đích phạm tội.

* Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1 – 253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207, xe cũ đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ, bị cáo được định giá là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), do bị cáo Trần Văn Đ sử dụng vào mục đích phạm tội và tuy nhiên chiếc xe bị cáo Đ đang thế chấp vay tiền tại Công ty tài chính TNHH MTV .

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Văn Đ nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) là giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1–253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207 của bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội và giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng tiếp tục quản lý chiếc xe trên để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản do người khác phạm tội mà có với số tiền là 500.000đ, để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy gồm:

+ 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dao có tổng chiều dài 47cm, trên lưỡi dao có hình biểu tượng con cá sấu và chữ “*U.S.A DESIGN y042288*”; 01 vỏ bao đựng dao tự chế bằng vải màu đen, vỏ có tổng chiều dài 52cm, nơi rộng nhất 09cm;

+ 01 đôi dép quai kẹp bằng nhựa màu đen, kiểu nam, dép có size 42, trên đế dép có chữ “*Vtiaipi*”, dép dài 28cm, nơi rộng nhất 11cm, đã qua sử dụng. Do bị cáo Trần Văn Đ sử dụng vào mục đích phạm tội và không còn giá trị để sử dụng.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 216.53 của ông Võ Văn T A do bị cáo Võ Khánh L sử dụng vào mục đích phạm tội và xe mô tô biển kiểm soát 68N–255.16 của ông Huỳnh Quốc V do bị cáo Huỳnh Bá N sử dụng vào mục đích phạm tội, do các bị cáo tự ý lấy sử dụng, chủ sở hữu ông Thẩm Anh và ông Việt không có lỗi trong việc giao phương tiện nên không đề cập xử lý.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tuy tìm 01 cái túi xách da, các giấy tờ tùy thân của chị Võ Thị T P; 01 cái ví da và giấy tờ tùy thân của anh Lưu Hiền N và 01 cái tivi của anh Nguyễn Minh K do bị cáo Trần Văn Đném bỏ nhưng không tìm gặp nên không đề cập xử lý.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành triệu tập, xác minh Nguyễn Văn T, Trương Minh Khánh để làm rõ hành vi thực hiện trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Võ Minh T, Võ Khánh L và Nguyễn Quốc D để làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Nhưng hiện nay, T, Khánh và Dân đã đi khỏi địa P, không rõ đang làm gì và ở đâu.

C quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh anh Trần Văn Thái đứng tên đăng kí mô tô biển kiểm soát 68N1–174.74. Kết quả thể hiện xe mô tô biển kiểm soát 68N1–174.174 đã bán cho Lê Hoàng C chưa sang tên chính chủ. Xe thuộc sở hữu của Lê Hoàng C. Do hiện nay anh Thái đã đi khỏi địa phương, khi nào có phát sinh tranh chấp, nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến bào chữa của Trợ giúp viên K bào chữa cho các bị cáo Võ Khánh L và Trần Hoàng P thống nhất với vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản truy tố và tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho các bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo P tình tiết giảm nhẹ là tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L và các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi để xem xét áp dụng khung phạt thấp nhất của khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự cho 02 bị cáo P và L.

Đối với người liên quan Trương Đức T và người đại diện hợp pháp của T2 là ông Trương Văn H vắng mặt nên đề nghị ghi nhận ý kiến thỏa thuận của T2 và ông Hiệu về việc bồi thường dân sự.

- Ý kiến bào chữa của luật sư T bào chữa cho bị cáo Huỳnh Bá N thống nhất với vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản truy tố và tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo bản thân bị bệnh hen suyễn từ nhỏ, cha bị cáo cũng bị bệnh tim để chấp nhận theo đề nghị của đại diện VKS xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Võ Khánh L, Trần Hoàng P, Huỳnh Bá N đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại ông Nguyễn Tiến A và bà Phan Thị P đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên C sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U Minh Thượng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần phải bỏ công sức ra lao động các bị cáo Trần Văn Đ, Võ Minh T, Võ Khánh L, Trần Hoàng P, Lê Hoàng C, Huỳnh Bá N đã lợi dụng lúc đêm khuya người dân ngủ say, không cảnh giác, bàn bạc rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhiều người bị hại trên địa bàn các huyện Vĩnh Thuận, U Minh Thượng và An Minh trong thời gian dài và liên tục từ ngày 03/01/2019 đến ngày 18/6/2019. Cụ thể:

Trần Văn Đ thực hiện 13 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 93.492.880đ; Võ Khánh L thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 69.537.260đ; Trần Hoàng P thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 67.492.260đ; Võ Minh T thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 47.954.500đ; Lê Hoàng C thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, trị giá là: 12.170.000đ; Huỳnh Bá N thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trị giá là 2.750.000đ.

Đối với các bị cáo Lê Hoàng C, Nguyễn Thanh N, Đỗ Văn T, Trần Văn Q vì động C vụ lợi cá nhân, ham mua tài sản giá rẻ mặc dù biết rõ tài sản mình mua bán là do phạm tội mà có nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện mua bán với nhau. Cụ thể: Bị cáo Lê Hoàng C tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tổng cộng 02 vụ, tài sản phạm pháp trị giá tổng cộng là 6.500.000đ; Nguyễn Thanh N tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 vụ, tài sản phạm pháp trị giá là 19.500.000đ; Đỗ Văn T tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 vụ, tài sản phạm pháp trị giá là 6.650.000đ; Trần Văn Q tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 vụ, tài sản phạm pháp trị giá là 2.750.000đ.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại C quan điều tra, lời khai của các bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ C sở kết luận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Trần Văn Đ, Võ Khánh L, Trần Hoàng P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Võ Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Lê Hoàng C và Huỳnh Bá N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các bị cáo Lê Hoàng C, Nguyễn Thanh N, Trần Văn Q và Đỗ Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo lợi dụng lúc đêm khuya người dân ngủ say, không cảnh giác, đột nhập vào nhà các bị hại lấy trộm tài sản như điện thoại di động, thức ăn tôm, thùng loa, ti vi, tiền mặt và các tài sản có giá trị khác của nhiều bị hại trên địa bàn huyện U Minh Thượng,

Vĩnh Thuận và huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, mục đích các bị cáo chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân nên bắt chấp thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội liều lĩnh và tinh vi. Hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra liên tục với tính chất chuyên nghiệp, sử dụng các tàu sản lấy trộm làm nguồn sống chính, gây mất trật tự trị an tại địa P và bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Các bị cáo Lê Hoàng C, Nguyễn Thanh N, Trần Văn Q và Đỗ Văn T biết rõ tài sản mình mua là do hành vi phạm tội mà có được nhưng vì ham lợi, mua đồ giá rẻ các bị cáo bắt chấp luật vẫn mua các tài sản của các bị cáo khác, hành vi của các bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn là hành vi tiếp tay cho các bị cáo khác thực hiện các tội phạm khác như trộm, cướp tài sản.

Bản thân các bị cáo đều ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bắt chấp thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trong vụ án này ngoài bị cáo Trần Hoàng P, Huỳnh Bá N khi phạm tội và đến thời điểm xét xử chưa đủ 18 tuổi, đối với bị cáo Võ Khánh L tại thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi còn lại các bị cáo khác đều 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các bị cáo đều đủ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự đối hành vi vi phạm của mình.

Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an T2 xã hội ở địa P. Do đó, cần thiết phải xử lý các bị cáo mức án tương xứng với tính chất và hậu quả hành vi phạm tội, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung.

Tuy nhiên để xem xét trách nhiệm xử lý cụ thể đối với từng bị cáo, HĐXX nhận thấy.

Đối hành vi trộm cắp tài sản: Bị cáo Trần Văn D với vai trò là người rủ rê, xúi giục người D 18 tuổi phạm tội, cung cấp địa điểm, chuẩn bị dụng cụ là cây dao tự chế, sử dụng P tiện và điều khiển xe mô tô của mình để trộm cắp tài sản, trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản, canh đường, chờ đi tẩu thoát, mang tài sản lấy trộm đi bán và đứng ra chia tiền từ việc bán tài sản lấy trộm, bị cáo thực hiện 13 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 93.492.880đ nên bị cáo là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.

Bị cáo Võ Minh Tvới vai trò là người rủ rê, xúi giục người Dới 18 tuổi phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mang tài sản lấy trộm đi bán và đứng ra chia tiền từ việc bán tài sản lấy trộm và thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 47.954.500đ nên bị cáo là người chịu trách nhiệm thứ 2 về hành vi này.

Võ Khánh L với vai trò là người rủ rê, cung cấp địa điểm đi trộm, sử dụng P tiện và điều khiển xe mô tô của mình để trộm cắp tài sản, canh đường chờ đi tẩu thoát. L trực tiếp cất giữ tài sản lấy trộm, mang tài sản lấy trộm đi bán và chia tiền từ việc bán tài sản do lấy trộm mà có và thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 69.537.260đ, bị cáo là người chịu trách nhiệm thứ 3.

Trần Hoàng P với vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, canh đường và chờ đi tẩu thoát, cùng tham gia mang tài sản do lấy trộm mà có đi bán và nhận tiền chia từ việc bán tài sản do lấy trộm mà có, thực hiện tổng cộng 06 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tổng cộng là: 67.492.260đ, bị cáo là người chịu trách nhiệm thứ 4.

Bị cáo Lê Hoàng C với vai trò sử dụng P tiện và điều khiển xe mô tô của mình để trộm cắp tài sản, canh đường và chờ đi tẩu thoát. C trực tiếp cất giữ tài sản lấy trộm, nhận tiền chia từ việc bán tài sản do lấy trộm mà có, thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, trị giá là: 12.170.000đ, bị cáo Huỳnh Bá N với vai trò sử dụng P tiện và điều khiển xe mô tô của mình để trộm cắp tài sản, canh đường, chờ đi tẩu thoát, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và nhận tiền chia từ việc bán tài sản do lấy trộm mà có, thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trị giá là 2.750.000đ nên các bị cáo là người chịu trách nhiệm thứ 5 trong việc trộm cắp tài sản này.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có: Các bị cáo Lê Hoàng C, Nguyễn Thanh N, Đỗ Văn T và Trần Văn Q tuy không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ các tài sản do T, N, L, P trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ vì lợi nhuận. Trong đó, bản thân bị cáo C là người thực hiện tích cực nhất và thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, bị cáo N tham gia mua bán tài sản với giá trị lớn và chưa nộp lại số tiền khắc P hậu quả nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Q và bị cáo T.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và quan điểm trợ giúp viên Kvà luật sư T bào chữa cho các bị cáo Võ Khánh L, Trần Hoàng P, Huỳnh Bá N, HĐXX nhận thấy:

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng các tình tiết giảm tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoàng C mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù còn bị cáo Huỳnh Bá N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “Trộm cắp tài sản”, nhận thấy rằng hành vi của bị cáo C và bị cáo N đều cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 lần, mặc dù giá trị tài sản trộm cắp trong vụ án do bị cáo C thực hiện lớn hơn giá trị trong vụ trộm do bị cáo N thực hiện và bản thân bị cáo C còn bị truy tố thêm về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nhưng về mức độ thực hiện hành vi thì bị cáo C chỉ tham gia với vai trò dùng P tiện của mình chở bị cáo khác và ngồi canh đường không trực tiếp lấy trộm tài sản còn bị cáo N cũng dùng P tiện mình quản lý chở bị cáo T đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo N trực tiếp cùng với T thực hiện việc lấy trộm tài sản. Do đó, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối bị cáo C là nghiêm khắc, để đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo trước pháp luật HĐXX nghĩ cần xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Hoàng C về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp và tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý : Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo P tình tiết giảm nhẹ là tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L, xét thấy việc đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý là có căn cứ phù hợp hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên HĐXX chấp nhận.

Riêng về mức hình phạt, trợ giúp viên đề nghị cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt: HĐXX nhận thấy đối với bị cáo P đến thời điểm xét xử bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên có cân nhắc đến việc áp dụng mức hình phạt cho bị cáo theo quy định Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo thì L tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi tuy nhiên 02 bị cáo này tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, có tính chất chuyên nghiệp, giá trị tài sản các bị cáo tham gia lấy trộm trên

50.000.000đ, các bị cáo tham gia với vai trò tích cực. Do đó, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật HĐXX không chấp nhận đề nghị này của Trợ giúp viên.

- Quan điểm của luật sư Phan Thanh T: Đề nghị cho bị cáo Huỳnh Bá N được hưởng án treo do bị cáo có tiền sử bị bệnh hen suyễn tự nhỏ, hoàn cảnh gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn cha bị cáo bị bệnh tim thường xuyên phải nhập viện điều trị.

Xét thấy, bị cáo Huỳnh Bá N tham gia cùng thực hiện hành vi trộm cắp chỉ 01 lần, giá trị tài sản lấy trộm không lớn, bị cáo là người chưa thành niên và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có hạn đối với bị cáo. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị này của luật sư.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn Đ và Võ Minh T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và xúi giục người chưa thành niên phạm tội nên cần áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với 02 bị cáo.

Các bị cáo Trần Hoàng P và Lê Hoàng C, Võ Khánh L thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với 02 bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên lượng hình HĐXX cũng cần nhắc xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho tất cả các bị cáo.

Bị cáo Trần Văn Đ khi bị bắt đã tự thú các hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện An Minh, Vĩnh Thuận, bị cáo đã bồi thường và tác động gia đình bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại, bị cáo có ông nội là Liệt sỹ, cha là người có công được tặng Huy chương kháng chiến nên cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

Bị cáo Võ Minh T đã bồi thường và tác động gia đình bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại, ông ngoại của bị cáo T là thương binh nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

Bị cáo Võ Khánh L được gia đình tự nguyện thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại, bản thân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, người bị hại Nguyễn Tiến A, Phan Thị P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

Bị cáo Trần Hoàng P khi bị bắt đã tự thú các hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện U Minh Thượng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn do cha mất lúc bị cáo còn nhỏ, mẹ lập gia đình khác bản thân bị cáo từ nhỏ thiếu sự chăm sóc dạy dỗ của gia đình, tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Tiến A, Phan Thị P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Bị cáo Lê Hoàng C đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, đối hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn vợ bị cáo không có việc làm ổn định và đang nuôi con còn nhỏ nên áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Bá N phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo có ông nội là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, người bị hại Lý Văn K có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường số tiền 1.800.000đ và hoàn trả số tiền thu lợi bất chính 400.000đ cho anh Đỗ Văn H, gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn Q và Nguyễn Thanh N phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Trần Văn Đ đã bồi thường cho bị hại Lại Thanh M số tiền theo thỏa thuận là 19.592.000đ; bồi thường cho bị hại Đồng Hoàng A số tiền theo thỏa thuận là 3.447.000đ; bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh K số tiền theo thỏa thuận là 7.896.380đ; bồi thường cho bị hại Trần Văn C số tiền theo thỏa thuận là 2.000.000đ; bồi thường cho các bị hại: Võ Thị T P, Võ Thị T, Trần Thị N với tổng số tiền là 8.700.000đ; bồi thường cho bị hại Lưu Hiền N số tiền theo thỏa thuận là 1.650.000đ; bồi thường cho bị hại Phan Thị O số tiền theo thỏa thuận là 1.000.000đ; Bị cáo Trần Văn Đ và Lê Hoàng C đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Hồng T số tiền theo thỏa thuận là 3.000.000đ; Gia đình bị cáo Võ Minh T đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho các bị hại Lê Văn H số tiền theo thỏa thuận là 1.400.000đ; bồi thường cho Bùi Văn Đ số tiền theo thỏa thuận là 3.634.000đ; bồi thường cho Nguyễn Hữu L số tiền theo thỏa thuận là 3.790.000đ; Nguyễn Viết L số tiền theo thỏa thuận là 1.200.000đ; Gia đình bị cáo Huỳnh Bá N đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại Lý Văn K số tiền 2.200.000đ; Gia đình bị cáo Võ Khánh L đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại Lê Văn K số tiền theo thỏa thuận là 1.000.000đ; bồi thường cho bị hại Võ Hoàng T số tiền theo thỏa thuận là 2.100.000đ; bồi thường cho bị hại Nguyễn Tiến A số tiền theo thỏa thuận là 5.500.000đ; Gia đình các bị cáo Võ Khánh L và Võ Minh T đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại Trần Quốc T số tiền 3.843.000đ; bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng G số tiền 4.000.000đ, các bị hại đã nhận tiền xong và không yêu cầu các bị cáo, người đại diện của các bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên miễn xét.

Bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh Đỗ Văn H 400.000đ và bồi thường cho anh Hận số tiền 1.800.000đ, anh Hận không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên miễn xét

Các bị hại Nguyễn Hồng T, Hà Văn U, Lê Văn Đ, Sơn Ngọc R, Sơn N, Nguyễn Thị Thùy T, Lý Như K đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên miễn xét.

Gia đình các bị cáo Võ Minh T, Huỳnh Bá N và Võ Khánh L không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã thay các bị cáo bồi thường cho các bị hại nên miễn xét.

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bị cáo Trần Hoàng P cùng với bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột của bị cáo Trần Hoàng P, người có nghĩa vụ liên quan Trương Đức T, ông Trương Văn H là cha ruột của Trương Đức T buộc bị cáo Trần Hoàng P cùng với bà Nguyễn Thị T (mẹ bị cáo P) và Trương Đức T, ông Trương Văn H (cha ruột của T2) cùng liên đới bồi thường cho các bị hại Lưu Hiền N số tiền là 3.300.000đ, bồi thường cho Nguyễn Tiến A, Phan Thị P, Nguyễn Tiến P số tiền 11.000.000đ và bồi thường cho Võ Hoàng T số tiền 4.192.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ông Trương Văn H và Trương Đức T, buộc Trương Đức T, ông Trương Văn H (cha ruột của T2) bồi thường cho bị hại Đồng Hoàng A số tiền là 3.447.000đ.

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi còn lại với tổng số tiền 24.760.000đ. (Hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) tính đến trước ngày 30/9/2019 và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 20181231-4935306 ngày 31/12/2018 cho Công ty tài chính TNHH MTV .

- Về biện pháp tư pháp: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng thu giữ và đã trả lại cho các bị hại nhận lại xong các tài sản nên HĐXX không đề cập xem xét, cụ thể các tài sản gồm:

1/ Trả cho anh Lý Như K số tiền Việt Nam 2.020.000đ; 01 cái ví da kiểu nam, màu vàng da bò, trên ví có chữ Marlboro, ví đã qua sử dụng; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA LUMIA 1520, vỏ máy màu đen, tình trạng máy đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được; 01 mô hình điện thoại bằng nhựa, loại mô hình máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A8 màu trắng.

2/ Trả cho anh Lại Thanh M 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Nghiêm; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 006189.

3/ Trả cho ông Nguyễn Tiến A, chị Phan Thị P và Nguyễn Ngọc T gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7S Plus, vỏ máy màu hồng, máy có số IMEI: 355372080966123; 01 điện thoại di động hiệu Microsoft, model: RM-1099, vỏ máy màu đen, máy có số IMEI: 353679075355242; 01 máy điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S6 edge, vỏ máy màu xanh, máy có số IMEI: 357741061312821/69; 02 tờ ngoại tệ mệnh giá 05 USD và 01 tờ ngoại tệ mệnh giá 02 USD.

4/ Trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, máy có số IMEI: 959334.

5/ Trả cho ông Sơn Ngọc R và anh Sơn N 01 máy điện thoại di động hiệu Mobiistar model: Z1, số IMEI: 357850423329413, vỏ máy màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu HTC One M8, vỏ máy màu vàng, đã qua sử dụng; 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 43inch, model: UA43M5500AK.

6/ Trả cho anh Hà Văn U 01 thùng loa hát karaoke di động, nhãn hiệu Ariying, model: K405 (2018), công suất: 80W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen. Kèm theo 02 Micro không dây.

7/ Trả cho anh Nguyễn Hồng T 01 thùng loa hát karaoke di động, nhãn hiệu “TEMEISHENG Professional Audio”, công suất: 60W, loa kết nối được sóng Bluetooth, loa có vỏ màu đen. Kèm theo 01 Micro có dây cắm vào loa; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY Note 4, vỏ máy màu trắng.

8/ Trả cho anh Trần Văn C 01 tivi nhãn hiệu SAMSUNG 43inch, màu đen, mã sản phẩm UA43N5500AK, kiểu sản phẩm UA43N5500.

9/ Trả cho ông Lê Văn Đ 01 tivi nhãn hiệu TCL, loại tivi kết nối được Wifi, màn hình Led 32 Inch Model: L32S62.

10/ Trả cho bà Phan Thị O 01 tivi nhãn hiệu SONY 40 inch, màu đen, Model NO: KDL-40R350B; SERIAL NO 2911660.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn: trắng đỏ, biển kiểm soát 68N1– 174.74, số máy: 5C6H267042, số khung: C6H0GY267024, xe không bửng đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ và 01 giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 022359, biển kiểm soát 68N1– 174.74, do Công an huyện Vĩnh Thuận cấp cho Trần Văn Thái vào ngày 02/5/2019, do bị cáo Lê Hoàng C sử dụng vào mục đích phạm tội.

- Buộc bị cáo Trần Văn Đ nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) là giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1–253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207 của bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản do người khác phạm tội mà có với số tiền là 500.000đ, để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tiếp tục quản lý 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1– 253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207, xe cũ đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dao có tổng chiều dài 47cm, trên lưỡi dao có hình biểu tượng con cá sấu và chữ “U.S.A DESIGN y042288”; 01 vỏ bao đựng dao tự chế bằng vải màu đen, vỏ có tổng chiều dài 52cm, nơi rộng nhất 09cm và 01 đôi dép quai kẹp bằng nhựa màu đen, kiểu nam, dép có size 42, trên đế dép có chữ “Vtiaipi”, dép dài 28cm, nơi rộng nhất 11cm, đã qua sử dụng. Do bị cáo Trần Văn Đ sử dụng vào mục đích phạm tội và không còn giá trị để sử dụng.

- Xét thấy, tất cả các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên HĐXX thống nhất miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ và không xem xét phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 216.53 của ông Võ Văn T A do bị cáo Võ Khánh L sử dụng vào mục đích phạm tội và xe mô tô biển kiểm soát 68N1– 255.16 của ông Huỳnh Quốc V do bị cáo Huỳnh Bá N sử dụng vào mục đích phạm tội, do các bị cáo tự ý lấy sử dụng, chủ sở hữu ông Thắm Anh và ông Việt không có lỗi trong việc giao P tiện nên không đề cập xử lý.

C quan Cảnh sát điều tra đã tuy tìm 01 cái túi xách da, các giấy tờ tùy thân của chị Võ Thị T P; 01 cái ví da và giấy tờ tùy thân của anh Lưu Hiền N và 01 cái tivi của anh

Nguyễn Minh K do bị cáo Trần Văn Đném bỏ nhưng không tìm gặp, chị P, anh Nhân, anh Khang không có yêu cầu gì đối bị cáo Đ nên không đề cập xem xét.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Trương Đức T và Trương Minh Khánh do chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện U Minh Thượng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2, đối với hành vi của Khánh sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Quốc D2 sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn Đ và Trương Đức T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã ra văn bản đề nghị Công an xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng và Công an xã Bình Minh xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi của Trần Văn Đ3, Đỗ Văn H, Huỳnh Văn Dàng, Đỗ Văn D, Trần Hoài T, Nguyễn Quốc Dân, Nguyễn Chí Hiếu, Nguyễn Văn Vũ L, Nguyễn Tiến Đ và Lý Quý T, khi mua tài sản do Trần Văn Đ, Võ Khánh L, Võ Minh T, Trương Đức T bán, không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành triệu tập, xác minh Nguyễn Văn T, Trương Minh Khánh để làm rõ hành vi thực hiện trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Võ Minh T, Võ Khánh L và Nguyễn Quốc D2 để làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Nhưng hiện nay, T, Khánh và Dân đã đi khỏi địa P, không rõ đang làm gì và ở đâu. Khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh anh Trần Văn Thái đứng tên đăng kí mô tô biển kiểm soát 68N1-174.74. Kết quả thể hiện xe mô tô biển kiểm soát 68N1 – 174.174 đã bán cho Lê Hoàng C chưa sang tên chính chủ. Xe thuộc sở hữu của Lê Hoàng C. Do hiện nay anh Thái đã đi khỏi địa P, khi nào có phát sinh tranh chấp, nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 173, Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Đ (tên gọi khác Q), Võ Khánh L, Trần Hoàng P, Võ Minh T(tên gọi khác B), Huỳnh Bá N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trần Văn Q và Đỗ Văn T (tên gọi khác T) phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Bị cáo Lê Hoàng C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; các điểm g, o khoản 1 Điều 52 và các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn Đ(tên gọi khác) 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2019 đến ngày 13/9/2019

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm g, o khoản 1 Điều 52 và các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Minh T(tên gọi khác) 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giam là ngày 10/5/2019.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 và các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Khánh L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 và các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Hoàng P 2 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52 và các điểm b,i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Hoàng C 09 (chín) tháng cải tạo không

giam giữ về tội “ Trộm cắp tài sản” và 06 (Sáu) tháng tù về “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Chuyển đổi 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ thành 03 tháng tù cộng với 06 (sáu) tháng tù là 09 (chín) tháng tù

Tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành mức án là: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/6/2019 đến ngày 13/9/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Bá N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/02/2020). Giao bị cáo Huỳnh Bá N cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo N trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo Q trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác T) 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo T trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trần Hoàng P cùng với bà Nguyễn Thị T (mẹ bị cáo P) và Trương Đức T, ông Trương Văn H (cha ruột của T2) cùng liên đới bồi thường cho các bị hại Lưu Hiền N số tiền là 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm ngàn đồng), bồi thường cho Nguyễn Tiến A, Phan Thị P, Nguyễn Tiến P số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) và bồi thường cho Võ Hoàng T số tiền 4.192.000đ (Bốn triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Buộc Trương Đức T, ông Trương Văn H (cha ruột của T2) liên đới bồi thường cho bị hại Đồng Hoàng A số tiền là 3.447.000đ (Ba triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Nghĩa vụ và quyền liên đới được thực hiện theo quy định tại Điều 288 và 289 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi còn lại với tổng số tiền 24.760.000đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) tính đến trước ngày 30/9/2019 và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 20181231-4935306 ngày 31/12/2018 cho Công ty tài chính TNHH MTV .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 20181231-4935306 ngày 31/12/2018 ký kết giữa bị cáo Trần Văn Đ và Công ty tài chính TNHH MTV cho đến khi bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp, Trần Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty tài chính TNHH MTV có quyền yêu cầu xử tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp là chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1 – 253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207, xe cũ đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ do Trần Văn Đứng tên.

4. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn: trắng đỏ, biển kiểm soát 68N1– 174.74, số máy: 5C6H267042, số khung: C6H0GY267024, xe không bửng đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 022359, biển kiểm soát 68N1– 174.74, do Công an huyện Vĩnh Thuận cấp cho Trần Văn Thái vào ngày 02/5/2019, do bị cáo Lê Hoàng C sử dụng vào mục đích phạm tội.

- Buộc bị cáo Trần Văn Đ nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) là giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1–253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207 của bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản do người khác phạm tội mà có với số tiền là 500.000đ, để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tiếp tục quản lý 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển kiểm soát 68N1 – 253.41, số máy: G3D4E787439, số khung: RLCUG1010JY022207, xe cũ đã qua sử dụng, trầy xước nhiều chỗ để đảm bảo thi hành án.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng, dao có tổng chiều dài 47cm, trên lưỡi dao có hình biểu tượng con cá sấu và chữ “U.S.A DESIGN y042288”; 01 vỏ bao đựng dao tự chế bằng vải màu đen, vỏ có tổng chiều dài 52cm, nơi rộng nhất 09cm và 01 đôi dép quai kẹp bằng nhựa màu đen, kiểu nam, dép có size 42, trên

đế dếp có chữ “*Vtiaipi*”, dếp dài 28cm, nới rộng nhất 11cm, đã qua sử dụng. Do bị cáo Trần Văn Đ sử dụng vào mục đích phạm tội và không còn giá trị để sử dụng.

Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 13 ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Văn Đ, Võ Minh T, Lê Hoàng C, Võ Khánh L, Trần Hoàng P, Huỳnh Bá N, Nguyễn Thanh N, Trần Văn Q và Đỗ Văn T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Trần Văn Đ phải nộp tiền án phí dân sự đối với số tiền phải trả nợ cho Công ty tài chính TNHH MTV là $24.760.000đ \times 5\% = 1.238.000đ$. (Một triệu hai trăm ba mươi tám ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi, người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2020). Những bị hại, người đại diện cho người bị hại dưới 18 tuổi vắng mặt có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo về phần bản án liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn dân sự trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- NTG, CA huyện;
- THADS huyện, THAHS;
- Bị cáo;
- Những người TGT;
- UBND phường, xã,
thị trấn nơi bị cáo cư trú
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh